



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 04

Ngày 05/4/2023



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Xuất khẩu sản lát 2 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng tốt	4
Triển vọng thị trường nông sản khu vực Mỹ Latinh và Caribe	5
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Xuất khẩu thủy sản trong quý II có thể phục hồi chậm	9
Tháng 2/2023, nhiều thị trường tăng nhập khẩu cá tra	10
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Cá nông dân và doanh nghiệp đang phải bán heo dưới giá thành	12
Đề nghị gia hạn nợ, giảm lãi suất cho người nuôi heo	13
Thấy gì từ đề xuất nuôi heo dự trữ trong doanh nghiệp?	14
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Tổng quan thị trường lúa gạo	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo	18
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Mexico: Thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm đầy tiềm năng của Việt Nam	21
Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại ứng dụng công nghệ chuỗi khối	22
được đánh giá cao	
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Sầu riêng Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt để giành thị phần tại thị trường Trung Quốc	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Đảm bảo an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới	27
Lưu ý các triệu chứng khi bị ngộ độc botulinum từ thực phẩm	27
GIÁ CÁ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cá trong tinh	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

KINH TẾ THẾ GIỚI

* Kinh tế Mỹ có thể rơi vào suy thoái trong năm 2023

Các chuyên gia dự đoán kinh tế Mỹ sẽ rơi vào giai đoạn suy thoái trong năm 2023 và đối mặt với tình trạng lạm phát cao vào năm 2024.

Theo Khảo sát Chính sách của Hiệp hội Kinh tế Kinh doanh Quốc gia Mỹ (NABE), lạm phát sẽ duy trì ở mức trên 4% vào cuối năm nay.

Trong nỗ lực ứng phó với lạm phát gia tăng, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản (0,25 điểm phần trăm) lên khoảng 4,75%-5%, sau cuộc họp kéo dài hai ngày từ 21-22/3.

Vào tháng 2, tốc độ tăng giá đã chậm lại ở mức hàng năm là 6%, cao hơn đáng kể so với mục tiêu dài hạn của Fed là 2%.

Theo các số liệu được Bộ Lao động Mỹ công bố ngày 14/3, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lõi, không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, đã tăng 0,5% trong tháng 2 và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước. CPI tổng thể cũng tăng 0,4% trong tháng 2 và 6% so với một năm trước đó.

Chủ tịch NABE Julia Coronado cho biết hơn một nửa số thành viên tham gia Khảo sát chính sách của NABE dự đoán suy thoái sẽ xảy ra vào một thời điểm nào đó trong năm 2023.

Tuy nhiên, chỉ có 5% số người được hỏi tin rằng Mỹ đang trong thời kỳ suy thoái, ít hơn nhiều so với 19% người giữ quan điểm này trong Khảo sát Chính sách tháng 8.

Trong khi đó, 53% số người được hỏi tin rằng chính sách tài khóa hiện tại chưa phát huy hiệu quả và 70% số người được hỏi dự đoán tăng trưởng CPI sẽ duy trì ở mức trên 4% cho đến cuối năm 2023.

Ngoài ra, hơn 66% số người được hỏi tin rằng Fed sẽ có thể giảm lạm phát xuống mục tiêu 2% trong vòng hai năm tới mà không gây ra suy thoái.

Trong phát biểu gần đây, các quan chức Fed cho biết không có dấu hiệu nào cho thấy căng thẳng tài chính đang trở nên tồi tệ hơn và đây là một thực tế cho phép Fed tiếp tục tập trung vào việc giảm lạm phát bằng một đợt tăng lãi suất khác.

Chủ tịch của 3 chi nhánh Fed đều đưa kết luận rằng vụ sụp đổ của Silicon Valley Bank (SVB) hôm 10/3 cùng với những diễn biến khác đã không làm suy yếu niềm tin vào “sức khỏe” toàn bộ hệ thống ngân hàng Mỹ, trong đó một tổ chức nói rằng sự cố SVB không liên quan đến cách thức quản lý ở các ngân hàng khác.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

KINH TẾ TRONG NƯỚC

* GDP quý 1 năm 2023 của Việt Nam tăng 3.32%

Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1 năm 2023 ước tính tăng 3.32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3.21% của quý 1 năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023.

Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.52%, đóng góp 8.85% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0.4%, làm giảm 4.76%; khu vực dịch vụ tăng 6.79%, đóng góp 95.91%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản lượng thu hoạch một số cây lâu năm, sản lượng một số loại sản phẩm chăn nuôi chủ yếu tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước; nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp quý 1 năm 2023 tăng 2.43% so với cùng kỳ năm trước; ngành lâm nghiệp tăng 3.66% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0.02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2.68%, đóng góp 0.06 điểm phần trăm.

Tại khu vực công nghiệp và xây dựng, trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới, sản xuất một số ngành công nghiệp chủ lực suy giảm do chi phí sản xuất đầu vào tăng cao, số lượng đơn đặt hàng giảm mạnh. Giá trị tăng thêm các ngành công nghiệp quý 1 năm 2023 giảm 0.82% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023, làm giảm 0.28 điểm phần trăm trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Nguyên nhân do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0.37%, làm giảm 0.1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 5.6% (sản lượng khai thác than giảm 0.5% và dầu mỏ khai thác giảm 6%), làm giảm 0.2 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 0.32%, làm giảm 0.01 điểm phần trăm. Riêng ngành xây dựng tăng 1.95%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0.28% và 1.41% của cùng kỳ năm 2011 và 2012 trong giai đoạn 2011-2023, đóng góp 0.12 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ trong quý 1 năm 2023 thể hiện rõ sự phục hồi nhờ hiệu quả của các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, chính sách mở cửa nền kinh tế trở lại từ ngày 15/3/2022 khi dịch COVID-19 được kiểm soát, các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tới các nước trên thế giới được đẩy mạnh.

Đóng góp của một số ngành dịch vụ vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của quý 1 năm nay như sau: Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 25.98% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0.64 điểm phần trăm; ngành bán buôn và bán lẻ tăng 8.09%, đóng góp 0.85 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7.65%, đóng góp 0.45 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 6.85%, đóng góp 0.43 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 1.5%, đóng góp 0.1 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế quý 1 năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11.66%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35.47%; khu vực dịch vụ chiếm 43.65%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9.22%.

Về sử dụng GDP quý 1/2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 3.01% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 46.11% vào tốc độ tăng chung; tích lũy tài sản tăng 0.02%, đóng góp 0.14%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 8.33%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 10.52%, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 53.75%. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực Trung ương (GRDP) quý 1 năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 58 địa phương và giảm ở 5 địa phương trên cả nước. Trong đó, một số địa phương có tốc độ tăng GRDP ở mức cao so với tốc độ tăng GDP như Hậu Giang tăng 12.67%; Bình Thuận tăng 9.86%; Hải Phòng tăng 9.65%; Khánh Hòa tăng 9.07%; Cà Mau tăng 9.05%; Ninh Bình tăng 8.45%; Tuyên Quang tăng 8.42%; Bắc Giang tăng 8.40%.



THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHÓ BIÉN ÚNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

* Tổng cục Thủy sản chỉ đạo tháo gỡ bất cập trong thực hiện cấp S/C

Ngày 22/3/2023, Tổng cục Thủy sản phát hành Công văn số 386/TCTS-KTTS chỉ đạo việc thực hiện cấp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, đảm bảo theo đúng quy định, minh bạch và đồng bộ.

Trước đó, Tổng cục Thủy sản nhận được Công văn số 22/CV-VASEP ngày 15/3/2023 của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Công văn số 67/TTCL4-CL ngày 16/02/2023 của Trung tâm Chất lượng Nông Lâm Thủy sản Vùng IV kiến nghị liên quan đến một số khó khăn, bất cập trong việc thực hiện cấp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (Giấy S/C).

Để đảm bảo việc cấp Giấy S/C đúng quy định, tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản của Doanh nghiệp, Tổng cục Thủy sản đã có văn bản chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố ven biển và Tổ chức quản lý cảng cá, các đơn vị liên quan thực hiện một số nội dung dưới đây.

Tăng cường thực hiện việc giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng (đặc biệt đối với cá ngừ, cá cờ kiếm), đảm bảo chính xác về thành phần loài, khối lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng của tàu cá theo quy định.

Thực hiện việc cấp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác theo đúng trình tự, thủ tục. Không dùng các tiêu chí như: kích thước thủy sản cho phép khai thác, sản lượng tối đa cho phép khai thác, số ngày tối đa của chuyến biển để làm căn cứ thẩm định cấp Giấy SC (hiện nay pháp luật chưa quy định các nội dung này).

Xác định thời gian khai thác của tàu cá ghi trên Giấy S/C: Trường hợp xác nhận nguyên liệu thủy sản cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản - không chuyên tải: Thời gian khai thác ghi trên Giấy S/C là thời gian tính từ ngày thả mè lưới đầu tiên đến ngày thu mè lưới cuối cùng trong chuyến biển của tàu đánh bắt nguồn lợi;

Trường hợp xác nhận nguyên liệu thủy sản cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản (chuyên tải/thu mua thủy sản từ tàu đánh bắt về cảng), thời gian khai thác được tính theo tàu đánh bắt đã chuyên/bán số lượng thủy sản cho tàu hậu cần, tính từ ngày thả mè lưới đầu tiên đến ngày thu mè lưới cuối cùng trong chuyến biển của tàu đánh bắt nguồn lợi đã thực hiện và chuyên/bán cho tàu hậu cần;

Trường hợp tàu đánh bắt hoạt động dài ngày trên biển, thực hiện nhiều đợt chuyên/bán thủy sản sang tàu hậu cần thì mỗi lần chuyên/bán được tính riêng theo lượng thủy sản tương ứng với thời gian khai thác của tàu đánh bắt.

Tổng cục Thủy sản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến hoạt động của các nghề khai thác thủy sản; nhận dạng thành phần loài thủy sản theo nghề; đặc trưng hoạt động khai thác của các nghề theo các vùng biển... cho các cán bộ, nhân viên giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ, xác nhận nguyên liệu thủy sản bốc dỡ tại cảng cá, nâng cao năng lực chuyên môn để thực hiện việc thẩm định cấp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác đồng thời đẩy nhanh thực hiện việc ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản điện tử và truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác điện tử để đảm bảo tính chính xác, minh bạch và đồng bộ trong việc xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN NÔNG SẢN

* Xuất khẩu sắn lát 2 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng tốt

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 2 tháng đầu năm 2023 đạt trên 703.470 tấn, tương đương 268,09 triệu USD, giá trung bình 381,1 USD/tấn, tăng 35,3% về khối lượng và tăng 23% về kim ngạch nhưng giảm 9,1% về giá so với 2 tháng đầu năm 2022.

Riêng tháng 2/2023 ước đạt 467.998 tấn, tương đương 176,12 triệu USD, giá trung bình 376,3 USD/tấn, tăng mạnh 98,2% về lượng, tăng 90% kim ngạch nhưng giảm nhẹ 4,2% về giá so với tháng 1/2023; so với tháng 2/2022 cũng tăng 87,8% về lượng, tăng 72% kim ngạch nhưng giảm 8,4% về giá.

Trong tháng 2/2023, riêng xuất khẩu sắn lát ước đạt 188.313 tấn, tương đương 51,07 triệu USD, giá trung bình 271,2 USD/tấn, tăng 221% về lượng, tăng 239% về kim ngạch và tăng 5,6% về giá so với tháng 1/2023. Tính chung cả 2 tháng, xuất khẩu sắn lát đạt 246.442 tấn, tương đương 65,72 triệu USD, giá trung bình 266,7 USD/tấn, tăng 29,3% về lượng, tăng 22,7% về kim ngạch nhưng giảm 5% về giá so với 2 tháng đầu năm 2022.

Sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu hầu hết sang thị trường Trung Quốc chiếm 93,8% trong tổng lượng và chiếm 92,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt 659.840 tấn, tương đương 248,14 triệu USD, tăng 33,5% về lượng và tăng 20,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022, giá xuất khẩu sang thị trường này giảm 9,7%, đạt trung bình 376 USD/tấn.

Trung Quốc tăng mua sắn và các sản phẩm từ sắn từ Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2023, sau khi nước này gỡ bỏ các biện pháp kiểm dịch Covid-19. Các chủng loại sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chủ yếu vẫn là tinh bột sắn và sắn lát khô.

Các chuyên gia nhận định, năm 2023 trong bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng, Trung Quốc sẽ là điểm đến tiềm năng nhất cho sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam nhờ nhu cầu cao, vị trí địa lý gần, chi phí logistics thấp hơn so với xuất khẩu tới các thị trường khác. Trong khi đó, nguồn cung và giá của bắp và lúa mì đều bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình hình chiến sự ở Ukraine. Do đó, nhu cầu về sắn trên thị trường thế giới sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Dự báo tháng tới, nhu cầu mua sắn và tinh bột sắn từ Trung Quốc vẫn cao do thị trường này tăng cường dự trữ lương thực, ngũ cốc cho tiêu dùng. Ngoài ra, các ngành công nghiệp năng lượng và thức ăn chăn nuôi cũng chuyển sang nhập khẩu các sản phẩm từ sắn để thay thế, dẫn đến tăng nhu cầu đối với sắn. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sắn và tinh bột sắn sang thị trường này.

Theo Hiệp hội sắn Việt Nam, giá sắn tươi tại miền Trung, Tây Nguyên tiếp tục đứng ở mức cao trong bối cảnh nguồn cung sắn vụ cuối khan hiếm, trong khi các nhà máy đều muốn tăng công suất hoạt động trước khi kết thúc vụ.

Cụ thể, đầu tháng 3/2023, giá sắn tươi thu mua tại Tây Ninh dao động ở mức 3.300-3.700 đồng/kg, ổn định so với cuối tháng 2/2023. Tại Đăk Lăk giá dao động ở mức 2.900-2.950 đồng/kg, tăng 50 đồng/kg so với cuối tháng 2/2023. Tại Gia Lai giá dao động ở mức 2.950-3.100 đồng/kg, ổn định so với cuối tháng 2/2023.

Tại miền Trung giá sắn tươi dao động ở mức 2.650-2.750 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg so với cuối tháng 2/2023. Tại miền Bắc giá sắn tươi dao động ở mức 2.250-2.600 đồng/kg, tăng 100-200 đồng/kg so với cuối tháng 2/2023.

Các nhà máy Việt Nam đang chào bán tinh bột sắn với mức giá trong khoảng 480-505 USD/tấn FOB cảng TP HCM, tăng 5-10 USD/tấn so với cuối tháng 2/2023. Giá tinh bột sắn giao tại Móng Cái và Lạng Sơn ở mức 3.350 – 3.650 CNY/tấn, ổn định so với cuối tháng 2/2023.

Hiện tại giá thành công xưởng của các nhà máy Việt Nam cao. Một số nhà máy nhỏ đã phải nghỉ vụ do hết nguyên liệu, các nhà máy khác thu mua sắn cù tươi hàng cuối vụ với giá khá cao. Theo đó, báo giá xuất khẩu tinh bột sắn Việt Nam của nhiều nhà máy cao hơn mức giá giao dịch tại thị trường Trung Quốc.

Giá xuất khẩu sắn lát sang thị trường Trung Quốc khoảng 305 USD/tấn FOB Quy Nhơn; trong khi, giá xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc khoảng 355 USD/tấn FOB Quy Nhơn, ổn định so với cuối tháng 2/2023.

Giá sắn lát thu mua về các kho trữ hàng khá cao. Các đơn vị kinh doanh sắn lát báo giá bán cho các nhà máy thức ăn chăn nuôi trong nước với mức giá khoảng 6.500 – 6.600 đồng/kg.

Tại Phú Yên, trong 5 năm trở lại đây, diện tích cây sắn liên tục bị bệnh khâm lá virus. Niên vụ sắn 2022/23, bệnh khâm lá đã gây hại hơn 14.000 ha sắn tại Phú Yên, trong đó có đến 8.200 ha bị nhiễm bệnh nặng. Bệnh khâm lá virus xảy ra hầu hết trên các giống sắn đang trồng hiện nay ở Phú Yên.

Hiện tỉnh Sơn La có 47.000 ha sắn, tập trung chủ yếu ở các huyện: Thuận Châu, Bắc Yên, Mai Sơn, Quỳnh Nhai, Sôp Cộp, Phù Yên..., sản lượng đạt trên 550.000 tấn. Tỉnh Sơn La xác định tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tích cực tìm kiếm thị trường, phấn đấu xuất khẩu hơn 94.000 tấn sản phẩm sắn các loại, đạt giá trị khoảng 36 triệu USD.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 2 nhà máy chế biến sắn cùng công suất chế biến 300 tấn/ngày là các đơn vị chủ lực trong thu mua, chế biến sản phẩm sắn cho nông dân địa phương.

* Triển vọng thị trường nông sản khu vực Mỹ Latinh và Caribe

Khu vực Châu Mỹ Latinh và Caribe là nơi sinh sống của khoảng 8,5% dân số toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế 0,7%/năm, sẽ tăng thêm 57 triệu người vào năm 2031. Là khu vực đô thị hóa nhất trong số các khu vực đang phát triển, 84% dân số dự kiến sẽ sống ở đô thị vào năm 2031. Mặc dù điều này cũng ngụ ý rằng hầu hết người nghèo trong khu vực sống ở các khu vực thành thị, tỷ lệ nghèo đói ở khu vực nông thôn vẫn còn cao. Cơ cấu trang trại rất đa dạng bao gồm từ các trang trại lớn, định hướng xuất khẩu thương mại thống trị nông nghiệp ở vành đai phía nam, đặc biệt là ở Argentina và Brazil, đến khoảng 15 triệu trang trại gia đình và hộ gia đình nhỏ chịu trách nhiệm cho phần lớn sản xuất lương thực của khu vực.

Trong một thời gian, khu vực này đã bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất ổn kinh tế đáng kể, càng trầm trọng hơn do đại dịch COVID-19. Trên cơ sở bình quân đầu người, thu nhập giảm 1,8% mỗi năm trong thập kỷ qua. Với những thách thức về cơ cấu đã tồn tại từ trước, tác động của COVID-19 đặc biệt nghiêm trọng trong khu vực và GDP bình quân đầu người giảm 7,3% vào năm 2020. Mặc dù có sự phục hồi mạnh mẽ 5,3% vào năm 2021, nhưng thu nhập tuyệt đối bình quân đầu người dự kiến chỉ vượt mức dự đoán trước đó, mức độ đại dịch vào năm 2023.

Với mức độ khác nhau của những thách thức tồn tại từ trước trong khu vực, suy thoái do đại dịch gây ra cũng lớn hơn ở một số quốc gia. Ví dụ, ở Argentina, tỷ giá hối đoái đã có xu hướng giảm mạnh trước năm 2020, nhưng sự mất giá đã tăng nhanh do đại dịch và GDP thực tế bình quân đầu người giảm gần 11%. Quá trình phục hồi ở Argentina cũng kéo dài hơn và mặc dù thu nhập bình quân đầu người sẽ vượt qua mức của năm 2019 vào năm 2022, nhưng nó vẫn thấp hơn so với một thập kỷ trước đó.

Sau những tiến bộ ban đầu tốt đẹp để giảm tỷ lệ này, tỷ lệ suy dinh dưỡng trong khu vực bắt đầu tăng trở lại sau năm 2014. Tác động tổng hợp của suy thoái kinh tế, điều kiện tài chính xấu đi và sự gián đoạn chuỗi giá trị đã đẩy nhanh xu hướng này và năm 2020 là năm có mức tăng lớn nhất so với cùng kỳ năm trước. Trong tình trạng suy dinh dưỡng và mất an ninh lương thực kể từ khi bắt đầu xu hướng tăng. Từ năm 2014 đến năm 2020, số người bị đói tăng 79% và đến năm 2020, những người bị mất an ninh lương thực ở mức trung bình hoặc nghiêm trọng chiếm 41% dân số. Ủy ban Kinh tế Châu Mỹ Latinh và Caribe cho rằng đại dịch đã đẩy tỷ lệ nghèo cùng cực trong khu vực lên 13,8% vào năm 2021, sau đó tăng lên 13,1% vào năm 2020. So với năm 2019, điều này đã khiến

thêm 13 triệu người rơi vào cảnh nghèo cùng cực. Hai năm, làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực.

Trong trung hạn, GDP bình quân đầu người trong khu vực dự kiến sẽ tăng trung bình hàng năm 1,6% để đạt 10.190 USD/người vào năm 2031, thấp hơn 23% so với mức trung bình toàn cầu và chỉ cao hơn 3% so với mức năm 2014. Tỷ trọng chi tiêu cho thực phẩm trong chi tiêu hộ gia đình ước tính trung bình khoảng 14% trong giai đoạn 2019-2021. Bất ổn kinh tế vĩ mô và giá lương thực có thể có tác động đáng kể đến an ninh lương thực trong khu vực trong thập kỷ tới.

Với diện tích đất và nước phong phú, khu vực này chiếm 13% sản lượng toàn cầu đối với các mặt hàng nông nghiệp và thủy sản và 17% giá trị xuất khẩu ròng của các sản phẩm này. Tỷ lệ này có triển vọng tăng hơn nữa trong thập kỷ tới, nhấn mạnh tầm quan trọng đối với khu vực mở cửa thương mại ở cấp độ toàn cầu. Nhu cầu xuất khẩu sẽ là nguồn tăng trưởng quan trọng trong trung hạn. Tăng trưởng xuất khẩu được hỗ trợ bởi khả năng cạnh tranh tăng lên, với năng suất nhân tố tổng hợp tăng 40% từ năm 2000 đến năm 2019. Mặc dù đầu vào lao động giảm, nhưng tăng trưởng sản lượng được cung cấp nhờ đầu vào nguyên liệu tăng, đặc biệt là phân bón tăng gấp đôi trong giai đoạn 2000 đến 2019. Những đầu vào này sẽ phải đổi mới với những thách thức về chi phí cao hơn sớm trong giai đoạn Triển vọng và có thể hạn chế tăng trưởng. Mặc dù định hướng xuất khẩu quan trọng của khu vực, thương mại nội khối vẫn thấp và có một số quốc gia trong khu vực như Panama và El Salvador là những nước nhập khẩu ròng.

Cho dù có tầm quan trọng về xuất khẩu nhưng ngành nông nghiệp và thủy sản chỉ chiếm khoảng 10% GDP. Tỷ lệ này tăng lên vào năm 2020 do khả năng phục hồi của nông nghiệp và được miễn trừ khỏi các hạn chế phong tỏa. Nó có thể tăng hơn nữa trong ngắn hạn nếu những hạn chế về nguồn cung từ cuộc chiến Nga-Ukraine dẫn đến giá cao hơn kéo dài trên thị trường xuất khẩu, điều này sẽ thúc đẩy sản xuất cao hơn. Tuy nhiên, tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản trong GDP được dự đoán sẽ giảm nhẹ ở Mỹ Latinh và Caribê trong trung hạn.

Các ngành nông nghiệp và thủy sản cũng phải đổi mới với một số thách thức, do ngày càng bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng khí hậu bất lợi và chi phí vận chuyển, năng lượng và phân bón tăng cao gần đây.

Mặc dù là khu vực xuất khẩu ròng lớn nhất trong số các khu vực được đề cập trong Báo cáo Triển vọng, khu vực Mỹ Latinh và Caribe vẫn phải đổi mới với những thách thức lớn trong việc giảm thiểu tình trạng mất an ninh lương thực. Phần lớn điều này bắt nguồn từ các vấn đề phân phối thu nhập và những hạn chế về khả năng chi trả, chứ không phải sự sẵn có của thực phẩm trong khu vực. Tăng trưởng nhờ xuất khẩu giúp ngành này ít bị tổn thương hơn trước sự bất ổn kinh tế vĩ mô trong khu vực, nhưng hàm ý rằng sự biến động trên thị trường toàn cầu và sự tập trung trở lại vào chuỗi cung ứng trong nước ở nhiều nơi trên thế giới sau đại dịch có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của ngành. Tăng trưởng xuất khẩu từ khu vực này được dự đoán sẽ chậm lại so với thời gian gần đây, phù hợp với tốc độ tăng trưởng sản xuất chậm hơn, nhưng cũng làm suy yếu nhu cầu nhập khẩu toàn cầu. Khu vực này cũng phải đổi mới với những thách thức liên quan đến việc tăng cường tập trung xuất khẩu theo điểm đến, khiến nhu cầu xuất khẩu gấp rùi ro thị trường cao hơn.

Sản xuất

Trồng trọt và chăn nuôi đều có triển vọng gia tăng năng suất

Sản xuất nông nghiệp và thủy sản trong khu vực được dự đoán sẽ tăng 14% trong 10 năm tới. Khoảng 64% tăng trưởng này đến từ trồng trọt, 28% từ lĩnh vực chăn nuôi và 8% còn lại đến từ thủy sản.

Thâm canh dự kiến sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc mở rộng sản xuất cây trồng, bắt chấp diện tích đất đai dồi dào của khu vực. Với việc trồng trọt nhiều vụ hơn, diện tích thu hoạch sẽ tăng 6,7%, đồng thời mức sử dụng đất trồng trọt chỉ tăng 3,4% vào năm 2031. Trong số 12,4 triệu ha tăng trưởng về diện tích thu hoạch vào năm 2031, lần lượt là gần 3,2 triệu tấn và 2,6 triệu tấn, là do trồng thêm đậu tương và bắp. Khu vực này sẽ vẫn là nhà sản xuất đậu tương lớn nhất thế giới, chiếm

53% sản lượng toàn cầu vào năm 2031. Điều này ngụ ý rằng bất kỳ sự sụt giảm nguồn cung nào liên quan đến thời tiết trong khu vực đều có thể tác động đáng kể đến giá thế giới. Giả sử điều kiện thời tiết thuận lợi hơn, khu vực này có nhiều tiềm năng để tăng sản lượng nhằm bù đắp những hạn chế về nguồn cung có thể xảy ra do chiến tranh kéo dài. Đóng góp của khu vực vào sản xuất ngũ cốc toàn cầu nhỏ hơn, nhưng tỷ trọng sản xuất bắp của khu vực này sẽ tăng lên gần 18% vào năm 2031.

Nâng cao năng suất đã góp phần rất lớn vào tăng trưởng sản xuất cây trồng trong quá khứ. Đối với các loại cây trồng chính như bắp và đậu tương, năng suất đã được cải thiện lần lượt là 23% và 13% trong thập kỷ qua. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục, với mức tăng năng suất trung bình dự kiến khoảng 10% vào năm 2031 đối với hầu hết các mặt hàng cây trồng chính. Điều này cho phép tiếp tục cải thiện giá trị ròng của sản lượng trồng trọt trên một ha đất, vốn đã cao thứ hai trong số các khu vực trong Báo cáo Triển vọng này và sẽ tăng thêm 1,2%/năm trong thập kỷ tới. Bắc Mỹ là khu vực sử dụng nhiều phân bón, chỉ đứng sau khu vực châu Á Phát triển và Đông Á, đồng thời nhập khẩu số lượng lớn, cho thấy rằng chi phí phân bón tăng mạnh do chiến tranh có khả năng hạn chế tăng trưởng năng suất và sản lượng trong ngắn hạn.

Tăng trưởng sản xuất chăn nuôi cũng sẽ được hưởng lợi từ việc tăng năng suất và thâm canh hơn nữa, với việc gia tăng sử dụng ngũ cốc làm thức ăn chăn nuôi. Sản xuất gia cầm sẽ chiếm hơn 55% tăng trưởng trong sản xuất thịt vào năm 2031, với sản lượng bò và thịt lợn lần lượt chiếm 29% và 16%. Bất chấp áp lực ngắn hạn trong những năm đầu của Triển vọng, tỷ suất sinh lời từ thịt so với ngũ cốc sẽ thuận lợi trong trung hạn, thúc đẩy mở rộng chăn nuôi gia cầm và thịt lợn, vốn đều phụ thuộc vào việc sử dụng nhiều thức ăn chăn nuôi trong sản xuất. Việc mở rộng chăn nuôi bò thịt sẽ là kết quả của việc tăng năng suất, tăng trọng lượng thân thịt và mở rộng 3% số lượng đàn vào năm 2031 để tăng năng suất 10,8%.

Sản lượng thủy sản sẽ phục hồi từ mức giảm khiêm tốn trong 10 năm qua để đạt mức tăng trưởng 12% vào năm 2031. Sự phát triển nuôi trồng thủy sản ở một số quốc gia trong khu vực là động lực chính của sản lượng thủy sản, đóng góp hơn 60% sản lượng bổ sung vào năm 2031. Thủy sản khai thác dự kiến sẽ biến động trong giai đoạn dự báo, chịu ảnh hưởng của hiệu ứng El Nino, có xu hướng ảnh hưởng đến cá (chủ yếu là cá cơm) được sử dụng để sản xuất bột cá và dầu cá.

Phát thải khí nhà kính dự kiến sẽ tăng nhẹ 0,1% mỗi năm trong thập kỷ tới. Phần lớn sự gia tăng này tích lũy từ sản xuất cây trồng, trong đó lượng khí thải sẽ tăng 3,2% trong thời kỳ mười năm, so với mức tăng 2,3% từ sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên, so với giá trị ròng của sản xuất nông nghiệp, lượng khí thải trên một đơn vị giá trị sản lượng được thiết lập để giảm mặc dù với tốc độ chậm hơn so với trước đây.

Tiêu thụ

Người tiêu dùng đang dần thay đổi chế độ dinh dưỡng

Sau sự sụt giảm trong thời gian ngắn, do tác động của đại dịch đối với sức mua và quá trình phục hồi kéo dài, lượng calo tiêu thụ bình quân đầu người dự kiến sẽ tăng trong trung hạn để đạt 3077 kcal/ngày vào năm 2031, tăng 60 kcal/ngày so với giai đoạn 2019-2021 và chủ yếu là nhờ các sản phẩm động vật. Sự gia tăng lượng calo thu được từ thực phẩm có nguồn gốc thực vật bị hạn chế bởi sự sụt giảm lớn của chất ngọt (-28 kcal) và có thể chi ra việc nâng cao nhận thức về sức khỏe của người tiêu dùng. Bất chấp sự suy giảm, Mỹ Latinh và Caribe sẽ vẫn là khu vực tiêu thụ đường lớn nhất thế giới tính theo đầu người. Các sáng kiến như cải thiện chương trình cung cấp thực phẩm tại trường học và luật ghi nhãn trước bao bì đã được áp dụng trên toàn khu vực nhằm nỗ lực giải quyết thách thức kép về tỷ lệ thừa cân và béo phì ngày càng gia tăng, nhưng cũng là những thách thức dai dẳng về tình trạng mất an ninh lương thực và chất lượng dinh dưỡng. Chất lượng thực phẩm của các bộ phận dân số có thu nhập thấp có xu hướng bị ảnh hưởng bởi những thách thức nghèo đói dai dẳng.

Lượng protein tiêu thụ bình quân đầu người dự kiến sẽ tăng lên 89 g/ngày vào năm 2031, mức tăng trong khoảng thời gian là 3,1 g/ngày.

Các sản phẩm động vật sẽ đóng góp phần lớn vào mức tăng trên 70%, với mức tiêu thụ cao hơn các sản phẩm từ sữa đóng góp phần lớn. Đối với hồ sơ nhân khẩu học có thu nhập trung bình,

mức tiêu thụ thịt của khu vực này đã ở mức cao gần 61 kg/năm, gần gấp đôi mức trung bình của thế giới. Tuy nhiên, mức tiêu thụ thịt bình quân đầu người được dự đoán sẽ chỉ tăng 3,3% trong thập kỷ tới, do người tiêu dùng tăng lượng protein từ các nguồn khác. Mức tiêu thụ cá, tính theo đầu người chỉ bằng khoảng một nửa mức trung bình của thế giới, sẽ chỉ tăng 1kg/người lên 10kg, tương đương với thập kỷ trước.

Việc đẩy mạnh thâm canh của ngành chăn nuôi dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng thức ăn chăn nuôi tăng 15% vào năm 2031.

Hai phần ba mức tăng đó sẽ đến từ bắp, với mức sử dụng thức ăn chăn nuôi sẽ tăng 18%, nhưng bột protein cũng được dự đoán sẽ tăng 13%, chiếm 19% lượng sử dụng thức ăn bổ sung vào năm 2031. Như vậy, bắp và bột protein sẽ đóng góp hơn 75% nhu cầu sử dụng thức ăn bổ sung.

Mặc dù tỷ lệ sử dụng mía khá ổn định, nhưng sản xuất ethanol từ khu vực này dự kiến sẽ tăng 6% vào năm 2031 so với giai đoạn cơ sở, đóng góp 15% vào tăng trưởng sản xuất ethanol toàn cầu. Brazil, với chương trình Renovabio, là nhà sản xuất ethanol lớn nhất trong khu vực và sẽ vẫn là nhà cung cấp quan trọng cho thị trường toàn cầu. Mặc dù giá dầu thô cao sẽ thúc đẩy nhu cầu nhiên liệu sinh học trong ngắn hạn, nhưng sự phát triển của ngành năng lượng và giao thông vận tải toàn cầu trong trung hạn sẽ vẫn là một bất ổn lớn đối với ngành nhiên liệu sinh học của khu vực.

Thương mại

Định hướng thương mại mở là rất quan trọng đối với ngành thực phẩm nông nghiệp của khu vực

Với vị thế là khu vực sản xuất thặng dư nông nghiệp lớn, xuất khẩu là một thành phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, làm giảm tính dễ bị tồn thương của ngành trước các cú sốc ngoại sinh và rủi ro kinh tế trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đã giúp tỷ trọng xuất khẩu trong tổng sản lượng nông nghiệp tăng ổn định, cùng với sự đóng góp của khu vực vào thương mại toàn cầu. Trong thập kỷ qua, thặng dư thương mại của nước này đã tăng gần gấp đôi và tỷ trọng của nước này trong xuất khẩu toàn cầu đã tăng lên 17%. Đến năm 2031, khu vực này dự kiến sẽ tăng thặng dư thương mại thêm 28% để chiếm 18% xuất khẩu toàn cầu. Sự giảm tốc trong tăng trưởng xuất khẩu phản ánh sự chậm lại ở Brazil, quốc gia đóng góp hơn một nửa kim ngạch xuất khẩu của khu vực. Tuy nhiên, trong khi đứng dưới mức tăng bình quân 6%/năm của một thập kỷ qua, tăng trưởng xuất khẩu của Brazil dự kiến vẫn duy trì ở mức trên 2%/năm và, kết hợp với sự tăng trưởng mạnh mẽ trong xuất khẩu rau quả từ Mexico, Costa Rica và Ecuador, tỷ trọng giá trị xuất khẩu rộng trong sản xuất nông nghiệp và cá của khu vực sẽ đạt 50% vào năm 2031.

Nguồn cung tăng mạnh sẽ cho phép khu vực này củng cố vị thế là khu vực xuất khẩu lớn về bắp, đậu tương, thịt bò, thịt gia cầm, bột cá, dầu cá, đường và ethanol. Ngoại trừ bột cá, ethanol và đường, khu vực này sẽ tăng thị phần của mình trên thị trường toàn cầu đối với tất cả các mặt hàng nói trên. Đến năm 2031, Bắc Mỹ sẽ chiếm 61% lượng đậu nành xuất khẩu toàn cầu, 59% đường, 45% bột cá, 43% bắp, 40% thịt bò và dầu cá, 32% gia cầm và 25% ethanol.

Do tầm quan trọng của khu vực trên thị trường toàn cầu, mức độ mở cửa thương mại sẽ có những tác động đáng kể đối với lĩnh vực này. Đại dịch và các hạn chế liên quan đã dẫn đến nhiều nút thắt trong hệ thống thương mại toàn cầu, làm tăng thêm chi phí và làm nổi bật rủi ro trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Mức độ mà điều này ảnh hưởng đến thương mại sẽ rất quan trọng đối với khu vực. Đồng thời, khả năng ứng phó với những hạn chế về nguồn cung từ khu vực Biển Đen trong khi chiến tranh vẫn tiếp diễn có thể giúp Bắc Mỹ gia tăng thị phần trong ngắn hạn.

Hiệp định Thương mại Tự do EU-Mercosur và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực có thể mở rộng hơn nữa các cơ hội thương mại, nhưng quan hệ thương mại bên ngoài khu vực, chẳng hạn như quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ cũng có thể đóng một vai trò nào đó. Mặc dù những lợi ích đối với khu vực của một thị trường toàn cầu định hướng thương mại là rõ ràng, nhưng việc cải thiện hội nhập thị trường nội bộ và hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã và trang trại gia đình sẽ mở rộng thương mại trong khu vực, do đó đa dạng hóa các cơ hội thị trường và tăng cường khả năng phục hồi của ngành.

(*Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương*)

THÔNG TIN THỦY SẢN

* Xuất khẩu thủy sản trong quý II có thể phục hồi chậm

Theo số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), xuất khẩu thủy sản trong tháng 2 đạt khoảng 662 triệu USD, tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 10% so với tháng 1.

VASEP đánh giá xu hướng xuất khẩu trong tháng 2 có dấu hiệu khả quan hơn so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ với mức tăng khiêm tốn 4% chưa phản ánh xu hướng hồi phục vì năm 2022, Tết Nguyên đán diễn ra vào đầu tháng 2.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản đạt trên 1,1 tỷ USD, giảm 26% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó cá tra vẫn giảm sâu 38% xuống 240 triệu USD, tôm giảm 37% xuống 350 triệu USD, cá ngừ giảm 27% đạt 113 triệu USD.

Sự giảm sút trong tốc độ tiêu thụ thủy sản bắt đầu từ giữa quý III đến hết quý IV năm trước bởi hàng tồn kho từ các thị trường tiêu thụ lớn còn nhiều sau giai đoạn bùng nổ hậu COVID-19. Điều này được phản ánh trong kết quả kinh doanh quý IV của các doanh nghiệp trong ngành.

Xu hướng kim ngạch thủy sản giảm khiến hoạt động tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp gặp khó khăn, tồn kho tăng mạnh.

Điển hình như Vĩnh Hoàn - doanh nghiệp đầu ngành cá tra, ghi nhận tồn kho tính đến 31/12/2022 khoảng 3.113 tỷ đồng, tăng 66% so với hồi đầu năm.

Với những doanh nghiệp xuất khẩu tôm, mức độ tăng tồn kho có vẻ thấp hơn cá tra. Chẳng hạn như Minh Phú, tồn kho tính đến cuối năm trước là 5.141 tỷ đồng, tăng 12% so với 1/1/2022.

Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư của CTCP Chứng khoán SSI (SSI Research) cho rằng lạm phát sẽ tiếp tục là một thách thức lớn trong bối cảnh tồn kho còn luân chuyển chậm tại các doanh nghiệp nhập khẩu thủy sản. Bộ phận này cho rằng hàng tồn kho sẽ được xử lý hoàn toàn vào khoảng quý III năm nay với các đơn hàng bắt đầu nhận được vào thời điểm đó.

Trong bối cảnh hiện tại, CTCP Chứng khoán Ngân hàng BIDV (BSC) cho rằng mức nền cao của năm 2022 và nhu cầu suy giảm tại thị trường Mỹ sẽ là những thách thức đối với ngành này.

Đối với mặt hàng tôm, BSC cho rằng nền kinh tế của các thị trường tiêu thụ chính như Mỹ, EU đều được dự báo gặp nhiều khó khăn trong năm 2023. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ tôm khi tôm là mặt hàng thủy sản giá cao và giá tôm Việt Nam nhỉnh hơn 10 – 15% so với các quốc gia đối thủ.

Ông Nguyễn Hoài Nam, Phó Tổng thư ký Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) nhận định trong bối cảnh lạm phát tăng cao, những mặt hàng có giá rẻ sẽ lợi thế hơn về lượng tiêu thụ.

Ông Nam dự báo tình hình xuất khẩu thủy sản có thể bắt đầu phục hồi từ quý II nhưng với tốc độ chậm. Hiện nay chi phí đầu vào tăng cao trong khi các nước giảm nhập khẩu vì lạm phát.

Ngoài ra, trong quý I còn tồn tại nút thắt lớn là đơn hàng xuất khẩu bị cắt giảm, doanh nghiệp thiếu dòng tiền vào trong khi hoạt động thu gom nguyên liệu của người dân vẫn phải tiếp tục. Rất nhiều khoản nợ mà doanh nghiệp phải cho ngân hàng chưa được thanh toán vì thiếu tiền.

“Doanh nghiệp không có đủ dòng tiền để trả khoản nợ. Chúng tôi mong muốn được giãn nợ để có dòng tiền thu gom nguyên liệu cho nông, ngư dân, chờ đợi cơ hội từ quý II khi Trung Quốc tiêu thụ nhiều hơn. Rất nhiều vùng nguyên liệu cũng đang chờ đợi vào nguồn vốn tín dụng. Nếu doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu không thu mua được thì các vùng nguyên liệu có thể giảm”, ông Nam nói.

Kỳ vọng xuất khẩu sang Trung Quốc có thể bù đắp sụt giảm từ thị trường khác

Việc Trung Quốc mở cửa trở lại là chất xúc tác cho ngành vào năm 2023. Do đó, doanh thu từ Trung Quốc được kỳ vọng bù đắp một phần cho sự suy giảm doanh thu từ thị trường Mỹ và EU.

Sau khi mở cửa, xuất khẩu sang Trung Quốc bắt đầu có tín hiệu tích cực. Trong tháng 2, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tăng 33% lên 122 triệu USD. Lũy kế 2 tháng đầu năm, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 158 triệu USD, giảm 7% so với cùng kỳ.

Thị trường Mỹ và EU vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục trong tháng 2, nên xuất khẩu vẫn giảm lần lượt 35% và 8% so với cùng kỳ năm 2022. Tính đến cuối tháng 2, xuất khẩu thủy sản sang Mỹ đạt 164 triệu USD, giảm 53%, sang EU giảm 32% đạt 123 triệu USD.

Theo đánh giá của ông Nam, Trung Quốc đang là thị trường mà ngành thủy sản Việt Nam đang thực sự quan tâm, minh chứng bằng việc tốc độ xuất khẩu tăng trưởng tốt trong 5 qua. Trong đó, mặt hàng tôm sống chiếm khoảng 20% (tương đương 2 tỷ USD) trong tổng lượng thủy sản nhập khẩu của Trung Quốc.

"Đây là miếng bánh mà chúng ta có thể tham gia được. Việc xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc tăng 33% trong tháng 2, đi ngược so với xu thế giảm sút ở các thị trường lớn khác như Mỹ, EU là tín hiệu tích cực", ông Nam nhận định.

Mặc dù xuất hiện những tín hiệu tốt từ Trung Quốc, SSI Research cho rằng điều này không đủ để mang lại cơ hội phục hồi lợi nhuận của các công ty trong nửa đầu năm 2023. Nguyên nhân có thể là do mức lợi nhuận so sánh cao vào năm 2022.

"Chúng tôi vẫn quan ngại về mức độ không chắc chắn xung quanh các chính sách mở cửa trở lại của Trung Quốc. Tuy nhiên, hiện tại, chúng tôi dự báo lợi nhuận của các công ty cá tra sẽ giảm trong năm 2023", SSI Research nhận định.

* Tháng 2/2023, nhiều thị trường tăng nhập khẩu cá tra

Trong bức tranh XK thủy sản tháng 2/2023 với 610 triệu USD, cá tra đóng góp gần 26% với giá trị 156 triệu USD. So với cùng kỳ, dù XK cá tra vẫn thấp hơn 9%, nhưng bối cảnh lạm phát làm nhu cầu giảm và giá NK giảm, thì doanh số của tháng 2 cũng là dấu hiệu tích cực.

Đặc biệt, có rất nhiều thị trường tăng mạnh NK cá tra trong tháng vừa qua. Trong đó, thị trường lớn nhất là Trung Quốc tăng 26% đã phản ánh xu thế tất yếu của thị trường sau khi dỡ bỏ chính sách zero Covid. Tính đến hết tháng 2, XK cá tra sang Trung Quốc đạt gần 73 triệu USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2022, do giảm mạnh trong tháng 1.



Trung Quốc NK cá tra qua vào 23 tỉnh thành của cả nước. Top 5 địa phương NK nhiều nhất cá tra Việt Nam là Quảng Đông (chiếm 30%), Sơn Đông và Thượng Hải đều chiếm 12%, Thiên Tân và Trâm Giang đều chiếm 10%.

Năm 2022, Trung Quốc đã NK trên 253 nghìn tấn cá tra của Việt Nam, tăng 71% so với năm 2021. Giá trung bình NK cá tra vào thị trường đạt 2,4 USD/kg, tăng 25%. Trong đó, giá NK cao nhất là ở Quảng Đông, Hồ Bắc, An Huy, đạt 2,6 – 2,7 USD/kg.

Ngoài Trung Quốc, XK cá tra sang nhiều thị trường khác trong tháng 2 có tăng trưởng 2 con số như: Anh tăng 79%, Colombia tăng 38%, Đức tăng 84%, Singapore tăng 60%, Bỉ tăng 90%... Và có một số thị trường đã tăng trưởng đột phá 3 con số, như Arập Xê út tăng 110%, Bồ Đào Nha tăng 228%, Iraq 322%...

Xu hướng ngược lại là XK vẫn giảm ở nhiều thị trường quan trọng như Mỹ giảm 59%, Brazil giảm 23%, Thái Lan giảm 29%, Mexico giảm 11%...

Do vậy, lũy kế XK cá tra 2 tháng đầu năm vẫn tăng trưởng âm 38% và ghi nhận doanh số 240 triệu USD. Trong đó, chỉ có một số ít thị trường Anh, Đức, Singapore, Bồ Đào Nha duy trì được tăng trưởng dương từ 6-81%. Trong đó Đức đang có tín hiệu khả quan nhất, chiếm tới 2,6% XK cá tra, so với tỷ trọng 0,9% cùng kỳ năm trước.

XK cá tra trong thời gian tới chủ yếu kỳ vọng vào Trung Quốc, một số nước châu Âu như Anh, Đức, Bồ Đào Nha và các thị trường Trung Đông. Tuy nhiên, XK sẽ không thể bứt phá mạnh mẽ. Những tháng tới, nhu cầu NK có thể sẽ tăng so với đầu năm, nhờ các chương trình giao thương, xúc tiến thương mại như hội chợ, hội nghị sẽ thúc đẩy XK, nhưng giá XK sẽ không cao như năm 2022.

Tuy nhiên, cá tra vẫn là lựa chọn phù hợp cho người tiêu dùng nhiều nước trên thế giới trong giai đoạn năm 2023 còn nhiều khó khăn về kinh tế.

Thị trường Anh – điểm đến lạc quan của cá tra Việt năm 2023

Hai tháng đầu năm 2023, Anh nằm trong số rất ít ỏi các thị trường có tăng trưởng dương NK thủy sản Việt Nam.

Năm 2022, Anh cũng nằm trong top 6 thị trường NK cá tra Việt Nam, nhưng chỉ chiếm tỷ trọng 2,6% với gần 64 triệu USD, tăng 24% so với năm 2021.

Anh là nước có tỷ lệ lạm phát thuộc top cao nhất trong các nền kinh tế lớn. Đến tháng 1/2023, tỷ lệ lạm phát ở nước này vẫn là 10,1%, cao gấp 5 lần so với mục tiêu Ngân hàng Anh đặt ra.

Lạm phát làm thay đổi xu hướng tiêu thụ thủy sản của Anh. Thay vì tiêu thụ nhiều thủy sản tươi/trúp lạnh, ngày nay người Anh gia tăng tiêu thụ thủy sản đông lạnh. Ở Anh, những người trong độ tuổi từ 50 đến 75 tiêu thụ cá nhiều nhất, chi tới 4 bảng Anh mỗi tuần cho các sản phẩm cá. Trong khi đó, những người dưới 30 tuổi chi tiêu trung bình chỉ 1,9 bảng Anh mỗi tuần để mua cá.

Riêng cá thịt trắng là sản phẩm được ưa chuộng đặc biệt tại Anh, trong đó được sử dụng nhiều nhất cho món ăn phổ biến là fish & chip. Mỗi năm, NK cá thịt trắng vào thị trường này đạt từ 800 triệu USD – 1 tỷ USD. Năm 2022, NK cá thịt trắng vào thị trường Anh giảm gần 8%, trong đó giảm mạnh nhất là cá minh thái, giảm 43% cá tuyết cod giảm 13%. Suy giảm kinh tế và chiến sự Nga – Ukraine khiến cho tiêu thụ và NK cá của nước này bị ảnh hưởng.

Trong năm qua, cá tra của Việt Nam chiếm 5% tổng NK cá thịt trắng của Anh. Tỷ trọng này có thể sẽ cao hơn trong năm 2023, khi mà kinh tế Anh vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi lạm phát, chiến sự Nga – Ukraine vẫn làm cho nguồn cung cá tuyết và cá minh thái vào thị trường này bị hạn chế. Món fish & chip có thể sẽ phải dùng đến cá tra và cá thịt trắng khác nhiều hơn để thay cho cá tuyết cod và cá minh thái.

Lợi thế từ thuế quan ưu đãi theo hiệp định thương mại tự do UKVFTA cũng là cơ hội để các DN tận dụng, nhất là bối cảnh các nhà NK muốn tìm kiếm các nguồn hàng có giá cạnh tranh phục vụ cho thị trường nội địa của họ.

Do vậy, cùng với Trung Quốc, Anh cũng là một điểm đến lạc quan cho các DN cá tra trong năm 2023

Nhập khẩu cá thịt trắng của Anh, 2018-2022 (nghìn USD)							
Sản phẩm	2018	2019	2020	2021	2022	Tăng trưởng (%)	Tỷ trọng (%)
Cá tuyết cod	520.941	549.580	665.281	615.899	535.731	-13,0%	57%
Cá haddock	166.985	211.744	228.877	204.648	261.883	28,0%	28%
Cá minh thái	73.090	90.046	111.500	115.865	66.094	-43,0%	7%
Cá tra, cá da trơn	54.555	49.716	61.772	54.052	50.330	-6,9%	5%
Cá rô phi	8.685	7.256	9.558	11.854	11.278	-4,9%	1%
Cá tuyết hake	10.392	10.574	10.371	8.397	6.958	-17,1%	1%
Tổng	834.822	918.918	1.087.365	1.010.716	932.275	-7,8%	100%

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

* Cả nông dân và doanh nghiệp đang phải bán heo dưới giá thành

Hơn 8 tháng liên tiếp, giá heo hơi ba miền liên tục lao dốc, thậm chí cả trong mùa cao điểm tiêu thụ dịp Tết Nguyên đán, trong khi đó giá thức ăn chăn nuôi vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của người chăn nuôi và doanh nghiệp.

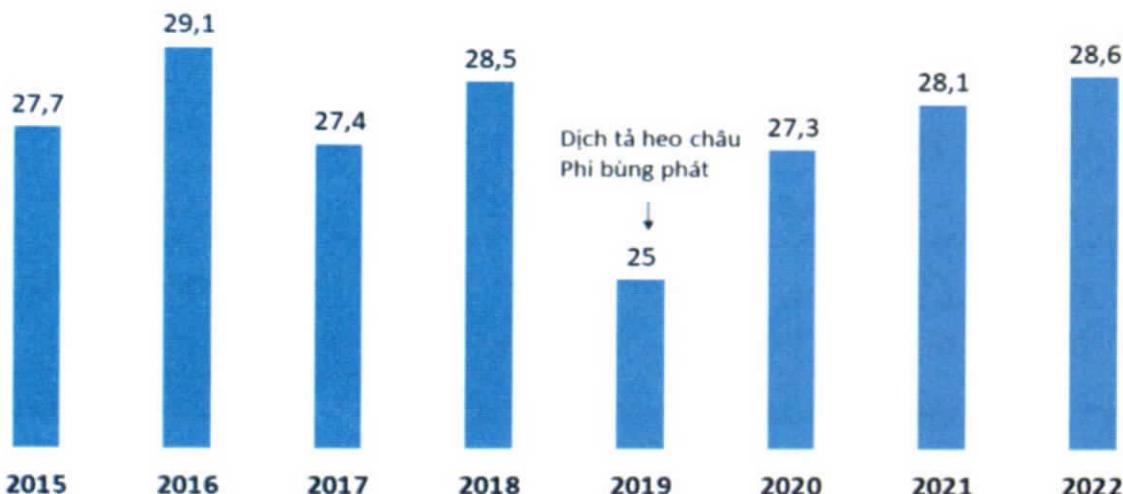
Cập nhật đến ngày 24/3, giá heo hơi đang ở mức 48.000 – 50.000 đồng/kg, giảm 5-10% so với cùng kỳ năm trước và giảm 40-45% so với cùng kỳ năm 2020, 2021.

Ông Dương Tất Thắng, Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT) cho biết giá heo hơi giảm mạnh là do yếu tố lực cầu yếu.

Diễn biến giá heo hơi từ năm 2020 đến ngày 24/3/2023



Tổng đàn heo cả nước giai đoạn 2015 - 2022 (triệu con)



Tổng đàn heo vẫn duy trì ổn định ở mức hơn 28 triệu con, tuy nhiên suy thoái kinh tế toàn cầu khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, ngay cả với mặt hàng thiết yếu như thịt heo, điều này tác động lớn đến nông hộ, còn doanh nghiệp chăn nuôi theo chuỗi sẽ thiệt hại ít hơn.

Còn theo phân tích của ông Nguyễn Văn Trọng, nguyên Phó cục trưởng Cục Chăn nuôi, giá bán heo đang ở mức 45.000 – 48.000 đồng/kg, trong khi giá thành của doanh nghiệp khoảng 50.000 – 52.000 đồng/kg, nông hộ dao động 54.000 – 60.000 đồng/kg. Như vậy, cả doanh nghiệp và nông hộ đều đang bán heo dưới giá thành, chịu thiệt hại về kinh tế.

Theo khảo sát của Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai, mỗi con heo xuất chuồng thì các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi đã lỗ tới gần 1 triệu đồng. Điều này khiến nhiều hộ chăn nuôi phải đóng chuồng trong thời gian tới vì thua lỗ triền miên, càng làm càng lỗ. Nhiều người chăn nuôi không có khả năng tái đàn do giá bán ra thấp hơn nhiều so với giá thành chăn nuôi.

Theo số liệu mới nhất của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAGL), công ty này tiêu thụ khoảng 41.689 con heo thịt, tuy nhiên ở thời điểm giá heo trong nước vẫn duy trì ở mức thấp nên gần như mảng này không mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trong cuộc gặp gỡ với nhà đầu tư hồi tháng 2, ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch HAGL cho biết 2023, doanh nghiệp này sẽ xây dựng kế hoạch kinh doanh quanh mặt hàng chủ lực là chuối, đồng thời không đưa lợi nhuận của mảng chăn nuôi heo vào giai đoạn này vì đang không có lời.

Nói thêm về điều này, ông Nguyễn Văn Trọng cho biết một doanh chăn nuôi khác có thị phần lớn tại Việt Nam, mỗi ngày bán ra khoảng 15.000 – 17.000 con cũng đang có lượng heo tồn ứ, chờ tiêu thụ.

Nhìn lại bức tranh ngành chăn nuôi từ 2020 đến nay, giá heo hơi thời điểm này đang chìm sâu sát đáy, chỉ cao hơn giai đoạn tháng 10/2021 – thời điểm dịch COVID-19 bùng phát mạnh trên phạm vi cả nước, giãn cách xã hội khiến đàn heo tồn đọng, quá lứa.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo chăn nuôi heo trong năm 2023 sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Các doanh nghiệp chăn nuôi lớn cho rằng phải đến đầu quý II/2023, nền kinh tế mới phục hồi dần, thu nhập của người lao động mới được cải thiện trở lại, giúp sức tiêu thụ thịt tăng lên.

* Đề nghị gia hạn nợ, giảm lãi suất cho người nuôi heo

Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai vừa có văn bản kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc gia hạn nợ, giảm lãi suất cho người chăn nuôi.

Trong văn bản, hiệp hội nêu rõ hơn một năm qua, hệ lụy của dịch COVID-19 khiến giá nguyên liệu thức ăn tăng, giá bán heo thấp dưới giá thành đã bào mòn sức sản xuất của người chăn nuôi. Với giá bán 48.000 - 50.000 đồng/kg, mỗi con heo xuất chuồng thì các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi đã lỗ tới gần 1 triệu đồng.

Các công ty, trang trại trong nước và nông hộ ngoài việc gồng mình chịu đựng tình hình chung còn gặp áp lực cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với nhiều thế mạnh từ nguồn vốn dồi dào và là ông chủ trên toàn chuỗi giá trị.

Số liệu thống kê cho thấy, quy mô chăn nuôi nông hộ đang dần bị thu hẹp lại, 10 năm trước Việt Nam có 10 triệu hộ chăn nuôi thì nay chỉ còn không tới 2 triệu hộ. Trong bối cảnh khó khăn nay, nhiều công ty, trang trại và người chăn nuôi trong nước không thể tiếp cận ngân hàng, thậm chí phải vay nóng mua cám, duy trì đàn vật nuôi.

Do vậy, Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai kiến nghị Ngân hàng Nhà nước gia hạn nợ gốc, giảm một phần lãi suất như chính sách hỗ trợ giai đoạn COVID-19 cho các doanh nghiệp, trang trại và hộ chăn nuôi trong nước. Đề nghị các ngân hàng trong mảng nông nghiệp tiếp tục gia hạn các gói tín dụng cho các chi nhánh, đưa vốn đến các vùng chăn nuôi trọng điểm.

Đồng thời trong quá trình thẩm định khách hàng là các doanh nghiệp chăn nuôi nên có sự tiếp xúc với hiệp hội để đánh giá tiềm lực khách hàng; có những doanh nghiệp tốt có thể đứng ra bảo lãnh ngân hàng cho vay vốn cho cả chuỗi liên kết từ nông hộ, HTX, đại lý thức ăn... để tăng quy mô kinh doanh.

Cuối cùng, Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai cho biết hiện nay các ngân hàng địa phương đều đang giải ngân gói vay hỗ trợ 2% lãi suất từ ngân sách, lĩnh vực nông nghiệp cũng nằm trong đối tượng được hỗ trợ.

Tuy nhiên qua khảo sát sơ bộ, hiệp hội nhận thấy chưa có doanh nghiệp, trang trại được hưởng gói lãi vay này. Do vậy, hiệp hội mong muốn sớm được kết nối làm việc với cơ quan chức năng, ngân hàng để được tham gia gói hỗ trợ.

* **Thấy gì từ đề xuất nuôi heo dự trữ trong doanh nghiệp?**

Giá bán thấp hơn giá thành, chuyên gia đề xuất nuôi heo dự trữ trong doanh nghiệp

Dịch COVID-19 vừa lảng xuống, nhu cầu tiêu thụ thịt heo chưa kịp phục hồi đã tiếp tục vấp phải cơn bão lạm phát. Với giá bán 48.000 - 50.000 đồng/kg, mỗi con heo xuất chuồng thì các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi đã lỗ tới gần 1 triệu đồng.

Trong bối cảnh khó khăn này, ông Nguyễn Trí Công, Chủ tịch Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai đề xuất Nhà nước tính tới giải pháp “đặt hàng” các cơ sở chăn nuôi dự trữ vật nuôi, từ vài vạn tới vài chục vạn con heo để chủ động trước các tình huống như giá heo hơi giảm, người chăn nuôi bỏ chuồng, không chăn nuôi làm giảm nguồn cung ra thị trường, từ đó gây biến động chỉ số CPI quốc gia.

“Nếu làm được điều này, Nhà nước sẽ không phải lo kho bãi dự trữ, trong khi Việt Nam chưa xây dựng hệ thống kho bãi dự trữ nguồn thực phẩm”, ông Nguyễn Trí Công nói.

Phân tích chi tiết về đề xuất này, ông Nguyễn Trí Công cho biết Nhà nước đang tạm trữ lúa gạo, tức là Nhà nước bỏ tiền ra mua lúa gạo của dân với giá sàn, đảm bảo cho người sản xuất có lãi hoặc ít nhất là hòa vốn thì việc dự trữ vật nuôi trong doanh nghiệp cũng tương tự.

Nhà nước chi một phần nhỏ ngân sách “đặt hàng” doanh nghiệp nuôi heo dự trữ, thay vì xây kho dự trữ tốn nhiều chi phí đầu tư và vận hành.

Các doanh nghiệp nuôi heo loại A theo tiêu chuẩn an toàn dịch bệnh, trọng lượng khoảng 100-110kg. Nếu giá thành hiện nay ở mức 55.000 đồng/kg thì Nhà nước có thể thu mua với mức 58.000 – 60.000 đồng/kg.

Trường hợp giá heo bất ngờ tăng lên 70.000 – 80.000 đồng/kg, Nhà nước có thể huy động nguồn heo từ trong doanh nghiệp để đưa ra thị trường nhằm kiềm hãm giá. Ở chiều ngược lại, việc nuôi heo dự trữ cũng sẽ giúp doanh nghiệp, trang trại có mức lợi nhuận ổn định, giá heo không bị xuống mức quá thấp.

“Đây là mối quan hệ win-win, cả nhà nước và người chăn nuôi đều có lợi”, ông Nguyễn Trí Công nói.

Ý tưởng tốt nhưng việc áp dụng sẽ khó khả thi

Bàn về đề xuất này, ông Nguyễn Xuân Dương, Chủ tịch Hội Chăn nuôi Việt Nam, nguyên Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT) đánh giá đây là một ý tưởng có mục tiêu tốt, giao chỉ tiêu dự trữ cho doanh nghiệp có thể giúp bình ổn thị trường, các công ty chăn nuôi chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Nhà nước có thể kiểm soát thị trường.

Tuy nhiên, ông Dương cho rằng việc tổ chức và thực thi không phải dễ bởi dự trữ hàng hóa chi áp dụng với những mặt hàng đưa vào kho mà không làm mất đi giá trị của sản phẩm, không phát sinh thêm chi phí.

Mặt khác, chi phí cho dự trữ vật nuôi có thể sẽ là số tiền không nhỏ, gây áp lực lên ngân sách nhà nước. Do vậy, ông Dương cho rằng dự trữ vật nuôi sống là giải pháp không khả thi.

Một yếu tố khác được chuyên gia này chỉ ra là thị trường 100 triệu dân của Việt Nam không phải quá lớn để cần dự trữ thịt heo, kinh tế của Việt Nam có độ mở lớn, chỉ cần thiếu một chút, thực phẩm nhập khẩu sẽ vào rất nhiều và nhanh.

Điển hình như năm 2020, ngành chăn nuôi Việt Nam chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch tả heo châu Phi, nguồn cung thịt heo trong nước giảm mạnh, mở đường cho thịt heo nhập khẩu vào nước ta.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2020 Việt Nam nhập khẩu 141.000 tấn thịt heo tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (mã HS 0203), tương đương 334,5 triệu USD, tăng 382% về lượng và tăng 503% về trị giá so với năm 2019. Trong đó, Brazil, Nga, Canada, Mỹ và Ba Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt heo cho Việt Nam trong năm 2020.

Ngoài ra, đề xuất nuôi heo dự trữ trong doanh nghiệp cũng gợi liên tưởng đến việc dự trữ xăng dầu trong kho của doanh nghiệp. Sau giai đoạn thị trường xăng dầu rối loạn, Bộ Công Thương đã thanh tra 33 doanh nghiệp đầu mối và ghi nhận một số doanh nghiệp không dự trữ đủ như cam kết.

Nhìn từ câu chuyện dự trữ xăng dầu, ông Nguyễn Xuân Dương cho rằng quản lý nhà nước về dự trữ vật nuôi sống sẽ khó hơn cả mặt hàng xăng dầu.

Cũng bàn luận về chuyện quản lý, ông Nguyễn Trí Công khẳng định rằng dự trữ vật nuôi là hợp đồng dân sự giữa Nhà nước và các doanh nghiệp, trang trại, nếu đã ký cam kết mà không dự trữ thì doanh nghiệp sẽ bị truy tố. Ông Công tin rằng khi có cam kết với Nhà nước, các doanh nghiệp, trang trại đều sẽ thực hiện nghiêm túc.

Kiểm soát nhập khẩu, cơ cấu lại tỷ trọng thịt heo sẽ thực tế hơn

Thay vì dự trữ vật nuôi, ông Nguyễn Xuân Dương cho rằng ngành chăn nuôi có thể ổn định cung – cầu bằng cách kiểm soát lượng thịt nhập khẩu vào Việt Nam, cân đối quy mô tổng đàn cho phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của thị trường 100 triệu dân.

“Trong thời gian tới, nguồn cung thịt heo sẽ không chỉ đến từ nội địa, mà còn từ hàng hóa nhập khẩu. Do vậy, tổng đàn 28,6 triệu con heo cần điều tiết lại bởi người tiêu dùng đang và sẽ không tiêu thụ nhiều thịt heo như trước nữa, mà sẽ tăng tiêu thụ gia cầm và gia súc ăn cỏ”, ông Dương nói.

Chiến lược ngành chăn nuôi đến năm 2030 cũng đặt mục tiêu giảm tỷ lệ thịt heo trong rõ thực phẩm của người Việt xuống còn 60%, thay vì 65-66% như hiện nay. Đồng thời tăng tỷ lệ thịt gia cầm lên 30% thay vì 26-27%, gia súc ăn cỏ lên 10%.

THÔNG TIN LÚA GẠO

* Tổng quan thị trường lúa gạo

Giá lúa gạo xuất khẩu tại châu Á chào bán dao động mỗi nơi một vẻ

Tuần qua (tuần kết thúc vào ngày 24/3), giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ tiếp tục giảm sau khi nhu cầu chậm lại do khách hàng dự đoán giá giảm hơn nữa nên hoãn mua, trong khi các thương nhân Việt Nam hy vọng giá cả cạnh tranh hơn và nguồn cung ngày càng tăng sẽ thu hút thêm đơn hàng từ những khách hàng lớn.

Tại Ấn Độ, giá gạo đồ 5% tấm được chào bán ở mức 380 – 385 USD/tấn, thấp nhất kể từ giữa tháng 1, giảm từ 382 – 387 USD/tấn một tuần trước đó.

Một nhà xuất khẩu tại Kakinada thuộc bang miền Nam Andhra Pradesh cho biết giá điều chỉnh khoảng 20 USD/tấn trong tháng này và tất cả các mặt hàng nông sản đã giảm trong vài ngày qua.

Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm tăng lên 465 USD/tấn so với 455 USD/tấn một tuần trước đó. Đồng nội tệ của nước này mạnh lên khiến giá xuất khẩu đắt hơn khi tính theo USD.

Tại Việt Nam, giá gạo 5% tấm không đổi ở mức 450 USD/tấn trong tuần qua.

Một thương nhân tại tỉnh An Giang cho biết hoạt động giao dịch chắc chắn sẽ phục hồi trong vài tháng tới do nguồn cung tăng từ vụ thu hoạch hiện nay và nhu cầu từ các khách hàng truyền thống gồm Trung Quốc và Philippines, ngoài ra vụ thu hoạch đông xuân sẽ kết thúc vào cuối tháng 3.

Một thương nhân khác ở Thành phố Hồ Chí Minh cho biết giá gạo Việt Nam sẽ thấp hơn so với gạo Thái Lan, vì thế một số khách hàng đã chuyển sang Việt Nam.

Nhiều triển vọng tích cực

Nhiều chuyên gia kinh tế, nhà quản lý đánh giá, năm 2023 cùng với nền tảng là giá tốt thì xuất khẩu gạo Việt Nam đang có nhiều triển vọng tăng trưởng mạnh. Nhất là khi những bất ổn về kinh tế, chính trị, xung đột Nga - Ukraine chưa có hồi kết khiến các quốc gia tăng nhu cầu dự trữ lương thực.

Trong khi đó, Trung Quốc đã mở cửa thị trường trở lại là tín hiệu tích cực cho những DN xuất khẩu gạo. Dự báo năm 2023, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc có thể đạt 1 triệu tấn.

Đối với thị trường Bangladesh, quốc gia này đã đồng ý gia hạn biên bản ghi nhớ về thương mại gạo với Việt Nam thêm 5 năm. Động thái này sẽ tạo thêm cơ hội để gạo Việt thâm nhập thị trường Bangladesh ổn định trong thời gian tới.

Riêng thị trường Philippines là quốc gia tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, mới đây Chính phủ nước này quyết định duy trì thuế nhập khẩu gạo ở mức 35%. Việc duy trì chính sách giảm thuế nhập khẩu của Philippines sẽ tạo thuận lợi cho xuất khẩu gạo Việt Nam trong năm 2023 cũng như đảm bảo tính ổn định của thị trường.

Theo Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) Nguyễn Ngọc Nam, triển vọng xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn "rộng cửa" trong dài hạn, trong đó phải kể đến chính sách hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ.

Mặt khác, một nước xuất khẩu quan trọng là Pakistan cũng vừa trải qua trận lũ lịch sử làm ảnh hưởng nghiêm trọng nguồn cung.

Đáng chú ý, những thị trường khó tính như: Châu Âu, Hàn Quốc, Australia và một số thị trường mới mở ở các nước khu vực Trung Đông sẽ tiếp tục tạo ra cơ hội cho DN Việt gia tăng xuất khẩu khi người tiêu dùng đang rất chuộng các loại gạo chất lượng cao của Việt Nam.

Trên cơ sở này, hoạt động xuất khẩu gạo năm 2023 của các DN trong nước sẽ diễn ra thuận lợi, doanh thu tăng khoảng 30% so với năm 2022.

Lạc quan về dư địa tăng trưởng xuất khẩu, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) Trần Thanh Hải nhận định, mỗi năm Việt Nam sản xuất từ 22 - 23 triệu tấn gạo, trong đó xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 15%.

Vì vậy, dư địa để gia tăng sản lượng xuất khẩu là khá lớn. Đặc biệt, với việc sản xuất hơn 80% dòng gạo thơm, chất lượng cao đang mở ra cơ hội để ngành hàng này phát triển và vươn xa.

Thực tế đã chứng minh, trong năm 2022 với muôn vàng khó khăn, ngành lúa gạo vẫn luôn giữ được đà tăng trưởng tốt. Đặc biệt, xuất khẩu gạo đang tăng cả về giá và số lượng, thậm chí có những thời điểm, gạo của Việt Nam có giá trị cao hàng đầu thế giới. Kết quả này đã thể hiện hướng đi đúng trong việc chuyên hướng tăng cường sản xuất gạo chất lượng cao của ngành nông nghiệp.

Năm 2023, Bộ Công Thương cũng dự báo xuất khẩu gạo Việt Nam đạt khoảng 7 triệu tấn, trị giá gần 4 tỷ USD.

Để đạt mục tiêu xuất khẩu, Bộ Công Thương đề nghị Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các DN xuất khẩu gạo cần tiếp tục đảm bảo việc thu mua lúa gạo cho nông dân, không để lúa gạo tắc đầu ra sau thu hoạch.

Đặc biệt, DN cần nâng cao chất lượng gạo, đảm bảo các yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc để tận dụng tối đa ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do.

Năm bắt cơ hội, bám sát thị trường

Dù có nhiều tín hiệu lạc quan, song các chuyên gia, nhà quản lý cũng nhận định thị trường vẫn còn những khó khăn tiềm ẩn liên quan đến giá cước vận tải biển cao, giá cả đầu vào sản xuất lúa gạo cao. Trong khi đó, tình hình xung đột ở một số khu vực trên thế giới vẫn đang và sẽ tác động đến giá nhiều mặt hàng lương thực khác.

Để đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu gạo, Bộ Công Thương đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo sát tình hình thị trường; đồng thời chủ động trong các hoạt động xúc tiến thương mại và thông báo các diễn biến kịp thời về tình hình thị trường cho hiệp hội ngành hàng và các DN xuất khẩu.

Về phía Bộ NN&PTNT, để đón đầu các cơ hội xuất khẩu gạo năm 2023, trước đó, Bộ đã chỉ đạo các vùng trọng điểm sản xuất lúa, nhất là Đồng bằng sông Cửu Long thực hiện canh tác lúa trù tiêu các giống lúa ngắn ngày chất lượng cao, giống lúa thơm phù hợp với yêu cầu của thị trường; giám ty lệ các giống lúa chất lượng trung bình và lúa nếp.

Trước những dự báo được chuyên gia, nhà quản lý đưa ra, DN xuất khẩu gạo đã nhinn nhận thấu đáo về vấn đề khai thác thị trường. Theo đó, các DN đều hoạch định chiến lược cụ thể cho từng thị trường nhằm tận dụng lợi thế của những Hiệp định thương mại tự do đã thực thi, đồng thời từng bước nâng cao giá trị, vị thế của ngành gạo trên thị trường quốc tế.

Quan tâm tới thị trường EU, Tổng Giám đốc Công ty Hoàng Minh Nhật (TP Cần Thơ) Hoàng Minh Nhựt chia sẻ, theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Việt Nam được cấp hạn ngạch 80.000 tấn, trong đó 30.000 tấn gạo trắng, 30.000 gạo thơm, 20.000 tấn gạo lứt.

Do đó, các đơn hàng gạo xuất khẩu nếu nằm trong danh mục trên thì được miễn thuế 175 ER/tấn. Do đó, 3 năm qua, công ty đã không ngừng gia tăng sản lượng, chủng loại gạo để tận dụng tối đa lợi thế từ hiệp định này.

Còn theo Tổng Giám đốc Tập đoàn Lộc Trời Nguyễn Duy Thuận, mặc dù châu Á, châu Phi là những thị trường truyền thống, DN đã am hiểu song muốn đi đường dài phải có chiến lược cụ thể cho từng thị trường.

Bên cạnh đó, DN rất cần sự hỗ trợ từ các bộ, ngành, tham tán thương mại về công tác xúc tiến thương mại ở cả thị trường quen thuộc cũng như thị trường mới.

Trân trọng về vấn đề nguồn vốn, ông Nguyễn Ngọc Nam cho rằng, mặc dù thuận lợi về mặt thị trường, song hiện nay các DN ngành gạo lại đang gặp khó khăn về nguồn vốn, đặc biệt trong thời điểm vào mùa thu hoạch lúa.

Hiện tại, Đồng bằng sông Cửu Long đang bước vào thu hoạch vụ lúa Đông Xuân. Nếu DN được tiếp cận nguồn vốn dồi dào, tăng cường việc thu mua, tạm trữ sẽ giúp đảm bảo lợi nhuận cho nông dân. Đây cũng là vụ mùa cho sản lượng lúa chất lượng tốt nhất để các DN chế biến và gia tăng kim ngạch xuất khẩu.

Do đó, Hiệp hội kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các ngân hàng thương mại có chính sách hỗ trợ DN kinh doanh nguồn vốn.

Sản lượng gạo thế giới có thể giảm lần đầu tiên trong vòng 7 năm

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) trong báo cáo mới đây (tháng 02/2023) dự báo sản lượng gạo toàn cầu năm 2022/2023 ở mức 503,0 triệu tấn (quy xay xát), hầu như không thay đổi so với dự báo tháng trước đó nhưng thấp hơn 2% so với mức kỷ lục của năm trước và là lần giảm đầu tiên kể từ năm 2015/2016.

Theo đó, sản lượng gạo toàn cầu năm nay dự báo thấp nhất kể từ năm 2019/2020. Cụ thể, nâng dự báo về sản lượng của Bangladesh, Sri Lanka, Thái Lan và Uzbekistan, song hạ dự báo về sản lượng của Argentina, Brazil, Cuba, Liên minh Châu Âu và Việt Nam.

Tổng cung gạo toàn cầu niên vụ 2022/2023 trong báo cáo tháng 2/2023 được điều chỉnh tăng 0,2 triệu tấn so với báo cáo tháng trước đó, lên 686,3 triệu tấn, song vẫn thấp hơn 2% so với kỷ lục của năm trước và là mức nhỏ nhất kể từ niên vụ 2004/2005.

Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu niên vụ 2022/2023 được điều chỉnh tăng 1,1 triệu tấn so với báo cáo tháng trước, lên 517,2 triệu, song vẫn thấp hơn 2,7 triệu tấn so với mức tiêu thụ kỷ lục của năm trước. Bangladesh, Trung Quốc và Thái Lan chiếm phần lớn trong tổng mức điều chỉnh tăng dự báo về tiêu thụ gạo thế giới năm 2022/2023. Trái lại, USDA hạ dự báo về tiêu thụ của Brazil, Indonesia, Mali và Tanzania.

Về thương mại gạo thế giới, USDA đã hạ 0,2 triệu tấn dự báo về thương mại gạo toàn cầu trong năm 2023 xuống còn 54,2 triệu tấn, thấp hơn gần 4% so với mức kỷ lục của năm trước và là lần giảm đầu tiên kể từ năm 2019. So với năm 2022, xuất khẩu gạo của Argentina, Brazil, Campuchia, Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Lào, Malaysia, Pakistan, Paraguay, Nga, Tanzania, Mỹ, Uruguay và Việt Nam dự báo sẽ giảm. Trái lại, xuất khẩu của Australia, Myanmar và Thái Lan dự kiến sẽ tăng.

Nhập khẩu gạo của một số thị trường trong năm 2023 dự báo sẽ giảm so với năm 2022, bao gồm: Afghanistan, Angola, Australia, Bangladesh, Benin, Campuchia, Canada, Chile, Trung Quốc đại lục, Costa Rica, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Guinea, Iran, Iraq, Kenya, Madagascar, Mali, Mexico, Nigeria, Philippines, Senegal, Somalia, Sri Lanka, Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Uzbekistan và Việt Nam. Ngược lại, nhập khẩu của một số thị trường được dự báo sẽ tăng, bao gồm: Congo, Ecuador, Liên minh Châu Âu, Gambia, Ghana, Guinea-Bissau, Haiti, Indonesia, Nhật Bản, Bắc Triều Tiên, Kuwait, Libya, Nepal, Niger, Oman, Panama, Peru, Nam Phi, Thụy Sĩ, Syria, Tanzania, Thái Lan, Ukraine, Mỹ và Venezuela. Nhập khẩu của Mỹ và EU dự kiến sẽ cao kỷ lục trong năm 2023.

Dự báo về tồn trữ gạo thế giới cuối vụ 2022/2023 trong báo cáo lần này được USDA hạ 0,85 triệu tấn xuống 169,1 triệu tấn, thấp hơn 8% so với cùng kỳ năm trước và là năm giảm thứ hai liên tiếp. Đây sẽ là năm tồn trữ gạo toàn cầu thấp nhất kể từ niên vụ 2017/2018. Trong đó, Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ chiếm phần lớn mức giảm dự báo về tồn trữ gạo thế giới, trong khi dự báo về tồn trữ của Indonesia, Thái Lan và Việt Nam được điều chỉnh tăng.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

* Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

Trong tháng 02/2023, giá các nguyên liệu chính làm thức ăn chăn nuôi trên thị trường thế giới vẫn có xu hướng dao động theo những chiều hướng khác nhau. Trong khi đó tại thị trường trong nước, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tháng 02/2023 nhìn chung ổn định. Dự báo trong thời gian ngắn tới đây, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không có nhiều biến động khi cung và cầu khá cân bằng.

Thị trường thế giới

- **Diễn biến cung cầu**

+ **Đậu tương**

Báo cáo mới nhất của USDA dự báo triển vọng đậu tương toàn cầu niên vụ 2022/2023 bao gồm dự trữ cao hơn trong khi sản lượng, lượng nghiên và thương mại thấp hơn. Các kho dự trữ đầu kỳ tăng do sản lượng đậu tương niên vụ 2021/2022 của Brazil điều chỉnh tăng lên 129,5 triệu tấn.

Sản lượng đậu tương thế giới niên vụ 2022/2023 giảm 1,3 triệu tấn do sản lượng thấp hơn ở Argentina và Uruguay được bù đắp một phần bởi sản lượng cao hơn ở Trung Quốc và Brazil. Vụ đậu tương của Argentina giảm 4 triệu tấn xuống còn 45,5 triệu tấn do diện tích trồng thấp hơn và điều kiện thời tiết khô hạn và nắng nóng đầu vụ. Vụ đậu tương của Trung Quốc tăng 1,9 triệu tấn lên 20,3 triệu tấn theo báo cáo từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc. Vụ mùa của Brazil tăng 1 triệu tấn lên 153 triệu tấn dựa trên diện tích cao hơn.

+ **Bắp**

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) giảm dự báo sản lượng bắp toàn cầu niên vụ 2022/2023 so với tháng trước, ước giảm 7,3 triệu tấn xuống còn 1.446,4 triệu tấn, do sản lượng giảm mạnh ở Mỹ, Argentina và Brazil.

Thương mại toàn cầu được dự báo sẽ giảm do xuất khẩu từ Argentina và Mỹ giảm. Nhập khẩu toàn cầu cũng được dự báo giảm do nhập khẩu giảm ở Việt Nam, Thái Lan và Peru.

+ **Lúa mì**

Báo cáo tháng 02/2023 của USDA dự báo sản lượng lúa mì toàn cầu vụ 2022/2023 tăng so với tháng 1/2023, chủ yếu do vụ mùa thuận lợi hơn ở Ukraine và EU. Nguồn cung thế giới tăng thêm 1,3 triệu tấn lên 1.058,1 triệu tấn.

Dự kiến thương mại toàn cầu năm 2022/2023 tăng 0,8 triệu tấn lên 211,6 triệu tấn do EU và Ukraine. Xuất khẩu của EU và Ukraine tăng 0,5 triệu tấn mỗi nước lên 36,5 triệu tấn và 13 triệu tấn. Dự trữ toàn cầu cuối vụ 2022/2023 dự kiến tăng 1,1 triệu tấn lên 268,4 triệu tấn, với mức tăng ở EU, Ukraine, Kazakhstan và Ấn Độ nhiều hơn bù đắp cho sự sụt giảm ở Ả Rập Saudi và Iran.

USDA cũng nâng dự báo về sản lượng lúa mì của Ukraine trong niên vụ 2022/2023 lên 21 triệu tấn, tăng từ mức dự báo 20,5 triệu tấn trong báo cáo tháng 12/2022. Sản lượng lúa mì của EU dự báo tăng lên 134,7 triệu tấn, tăng 400.000 tấn so với ước tính trước đó.

Dự báo về sản lượng lúa mì của Argentina trong năm tiếp theo 2022/2023 được duy trì ở mức 12,5 triệu tấn, Canada là 33,82 triệu tấn. Sản lượng lúa mì của Úc là 36,6 triệu tấn, của Nga là 91 triệu tấn và của Mỹ là 44,9 triệu tấn, không thay đổi so với báo cáo tháng trước.

- **Diễn biến giá**

Trong tháng 02/2023, giá bắp tại các thị trường xuất khẩu chính trên thế giới biến động tăng so với tháng 01/2023. Giá bắp Mỹ ở mức 304 USD/tấn. Giá bắp Brazil tăng 12 USD/tấn lên 298 USD/tấn. Giá bắp Argentina chỉ tăng 1 USD/tấn lên 308 USD/tấn. Giá bắp Ukraine tăng 8 USD/tấn lên 264 USD/tấn.

Giá đậu tương thế giới cũng có cùng xu hướng tăng so với tháng 01/2023 do điều kiện thời tiết không thuận lợi tại Nam Mỹ. Giá trung bình trong tháng này là 15,2 USD/bushel. Giá đậu tương

CBOT giao tháng 3/2023 là 336,9 USD/tấn, tăng 2,3 USD/tấn và giao tháng 4/2023 là 350,6 USD/tấn, tăng 3,2 USD/tấn.

Ngược lại, giá lúa mì thế giới tháng 02/2023 giảm ở tất cả các nước xuất khẩu lớn do việc mở rộng xuất khẩu từ Biển Đen sau khi Sáng kiến Ngũ cốc Biển Đen được tiếp tục thực hiện và vụ thu hoạch ở Nam Bán cầu sắp hoàn thành.

Cụ thể, giá lúa mì Acentina giảm nhiều nhất, giảm 21 USD/tấn xuống 376 USD/tấn trong bối cảnh vụ thu hoạch đang diễn ra. Lúa mì Mỹ giảm 11 USD/tấn xuống 374 USD/tấn xuống. Lúa mì Canada giảm 5 USD/tấn xuống 367 USD/tấn và lúa mì Úc giảm 8 USD/tấn xuống 360 USD/tấn. Lúa mì EU giảm 1 USD/tấn xuống 331 USD/tấn, trong khi lúa mì Nga giảm 5 USD/tấn xuống 311 USD/tấn và giá vẫn cạnh tranh nhất trong số các nhà cung cấp chính.

Thị trường trong nước

- Tình hình nhập khẩu

+ Kim ngạch nhập khẩu

Trong hai tuần đầu tháng 2/2023, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu đạt 225,5 triệu USD. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 02/2023, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 601,7 triệu USD.

Trước đó, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu tháng 01/2023 sụt giảm mạnh 35,5% so với tháng 12/2022 nhưng tăng 7,2% so với tháng 01/2022, đạt 377,27 triệu USD.

+ Thị trường nhập khẩu

Trong tháng 01/2023, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Acentina, chiếm 38,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt trên 145,62 triệu USD, giảm 17,4% so với tháng 12/2022 nhưng tăng mạnh 51,2% so với tháng 01/2022.

Đứng thứ 2 là thị trường Mỹ chiếm tỷ trọng 15,7%, đạt trên 59,35 triệu USD, giảm 53,9% so với tháng 12/2022; nhưng tăng 34,7% so với tháng 01/2022.

Tiếp đến thị trường Ấn Độ trong tháng 01/2023 nhập khẩu giảm mạnh 37,4% so với tháng 12/2022 nhưng tăng mạnh 213,3% so với tháng 01/2022, đạt trên 54,21 triệu USD, chiếm 14,4% trong tổng kim ngạch.

Nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ thị trường ASEAN trong tháng 01/2023 giảm mạnh 40,7% so với tháng 12/2022 và giảm 24% so với tháng 01/2022, đạt 19,25 triệu USD, chiếm 5,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu của cả nước.

+ Chủng loại nhập khẩu

*** Bắp**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu bắp các loại trong tháng 01/2023 đạt trên 804.535 tấn, trị giá gần 269,35 triệu USD, giá trung bình 334,8 USD/tấn, giảm 30,5% về lượng, giảm 30,3% kim ngạch nhưng tăng nhẹ 0,4% về giá so với tháng 12/2022. So với tháng 01/2022 cũng giảm 24,4% về lượng, giảm 20,8% về kim ngạch nhưng tăng 4,8% về giá.

Brazil là thị trường chủ đạo cung cấp bắp cho Việt Nam trong tháng 01/2023, chiếm trên 58% trong tổng lượng và chiếm 57,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu bắp của cả nước, đạt 466.503 tấn, tương đương gần 153,92 triệu USD, giảm 0,06% về lượng, giảm 1,7% kim ngạch và giảm 1,7% về giá so với tháng 12/2022; so với tháng 01/2022 tăng rất mạnh 246,7% về lượng, tăng 264,5% về kim ngạch, giá tăng 5,2%.

Nhập khẩu bắp từ Acentina tháng 01/2023 đạt 263.297 tấn, tương đương 88,47 triệu USD, giá 336 USD/tấn, chiếm gần 33% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu bắp của cả nước, giảm 27,2% về lượng, giảm 26,2% về kim ngạch nhưng giá tăng nhẹ 1,3% so với tháng 12/2022.

*** Lúa mì**

Trong tháng 01/2023 cả nước nhập khẩu 236.477 tấn lúa mì, tương đương 86,55 triệu USD, giá trung bình 366 USD/tấn, tăng 8% về lượng, tăng 4,9% kim ngạch nhưng giảm 2,9% về giá so với

tháng 12/2022. So với tháng 01/2022 thì giảm 29,5% về lượng, giảm 25,2% kim ngạch nhưng tăng 6% về giá.

Trong tháng 01/2023 nhập khẩu lúa mì từ thị trường chủ đạo Australia sụt giảm 17,8% về lượng, giảm 22,7% kim ngạch và giảm 5,9% về giá so với tháng 12/2022, đạt 112.875 tấn, tương đương 41,07 triệu USD, giá 363,8 USD/tấn; so với tháng 01/2022 thì giảm mạnh 48,8% về lượng, giảm 48,3% kim ngạch nhưng tăng nhẹ 1% về giá; chiếm gần 48% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu lúa mì của cả nước.

Đứng sau thị trường chủ đạo Australia là thị trường Brazil chiếm 46,6% trong tổng lượng và chiếm 45,8% trong tổng kim ngạch, đạt 110.237 tấn, tương đương 39,65 triệu USD, giá trung bình 359,6 USD/tấn, tăng mạnh cả về lượng, kim ngạch và giá so với tháng 01/2022, với mức tăng tương ứng 56,7%, 76% và 12,4%.

* Đậu tương

Nhập khẩu đậu tương trong tháng 01/2023 đạt 68.702 tấn, tương đương 46,15 triệu USD, giá trung bình 671,8 USD/tấn. Giảm mạnh 66,2% về lượng và giảm 66,5% kim ngạch so với tháng 12/2022 và giá giảm nhẹ 0,8%; so với tháng 01/2022 giảm mạnh 63% về lượng, giảm 59% về kim ngạch nhưng tăng 10,4% về giá.

Trong tháng 01/2023, Việt chi nhập khẩu đậu tương từ 3 thị trường chủ yếu là Mỹ, Canada và Campuchia; trong đó nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Mỹ, chiếm gần 82,3% trong tổng lượng và chiếm 81,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu đậu tương của cả nước, đạt 56.564 tấn, tương đương 37,49 triệu USD, giá 662,9 USD/tấn, sụt giảm mạnh 42% về lượng, giảm 44,3% kim ngạch và giảm 3,8% về giá so với tháng 12/2022, và so với tháng 01/2022 cũng giảm mạnh 39,6% về lượng, giảm 33% kim ngạch nhưng tăng 10,8% về giá.

Nhập khẩu đậu tương từ thị trường Canada - thị trường lớn thứ 2, chiếm 15% trong tổng lượng và chiếm 16% tổng kim ngạch nhập khẩu đậu tương của cả nước, trong tháng 01/2023 tăng mạnh 43% về lượng và tăng 38,9% kim ngạch so với tháng 12/2022 nhưng giá giảm nhẹ 2,9%, đạt 10.300 tấn, tương đương 7,4 triệu USD, giá trung bình 718,6 USD/tấn.

- *Diễn biến giá*

Trong tháng 02/2023, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không có nhiều biến động so với tháng trước. Cụ thể như sau:

Giá khô dầu đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 16.300 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 16.550 đ/kg, tăng hơn 40% so với cùng kỳ năm trước; Giá bắp Nam Mỹ đạt mức 10.400 đ/kg.

Giá sắn tươi và sắn lát khá ổn định trong hai tuần đầu tháng nhưng giảm nhẹ trong những ngày cuối tháng do tiêu thụ chậm, một số nhà máy tinh bột sắn tại miền Trung, Tây Nguyên giảm 50 - 100 đ/kg. Giá sắn dao động từ 1.200 - 1.600 đ/kg tùy khu vực.

Nguồn cung cám gạo trong tháng 02/2023 bắt đầu tăng, tuy nhiên nhu cầu tiêu thụ cám vẫn chậm. Giá cám gạo tại Đồng Tháp là 8.300 – 8.500 đ/kg; tại Kiên Giang là 8.500 đ/kg; tại Cần Thơ là 8.450 – 8.600 đ/kg; tại Bình Phước là 8.600 đ/kg; tại Hà Nội là 9.200 đ/kg.

Giá khô dầu đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 16.900 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 16.950 đ/kg.

Trong tháng 02/2023, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm trong nước khá ổn định so với tháng trước do thời gian sau Tết người chăn nuôi hạn chế tái đàn khiến nhu cầu tiêu thụ không tăng cao. Trong đó, thức ăn đậm đặc dành cho lợn con, có giá từ 15.600 – 16.350 đ/kg;

Thức ăn đậm đặc Proconco loại cho gà thịt là 15.900 đ/kg; cám cho gà con là 12.450 – 14.750 đ/kg; cám cho gà thịt từ 11.050 – 14.100 đ/kg; cám cho gà đẻ là 12.100 - 13.800 đ/kg; thức ăn hỗn hợp Proconco loại cho lợn từ 30 kg đến xuất chuồng là 12.350 – 14.650 đ/kg; cám cho lợn nhỡ từ 15 kg - 30 kg có giá 12.400 – 14.700 đ/kg; cám cho lợn từ 30 kg - xuất chuồng là 12.500 – 14.550 đ/kg.

(*Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương*)

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

* Mexico: Thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm đầy tiềm năng của Việt Nam

Những năm qua, quan hệ kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và Mexico không ngừng được mở rộng và phát triển, đặc biệt kể từ khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết và có hiệu lực kể từ đầu năm 2019. Là nền kinh tế phát triển năng động, Mexico đang dần trở thành khu vực thị trường hấp dẫn đối với cả thế giới, trong đó có Việt Nam, đặc biệt là đối với lĩnh vực nông sản và thực phẩm.

Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam cho thấy, năm 2022, kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng tích cực, đạt 5,421 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2021. Trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mexico ước đạt 4,532 tỷ USD.

Theo ông Vũ Minh Anh, Lãnh sự danh dự Lãnh sự quán Mexico tại TP. Hồ Chí Minh, nhờ được hưởng thuế suất 0%, năm 2022, cá ba sa là nông sản chính của Việt Nam khi xuất sang Mexico. Tuy xuất siêu nhưng phần lớn là hàng hóa trung gian, tỷ lệ "made in Vietnam" không lớn.

Ông Vũ Minh Anh cho rằng ngoài việc đầu tư trực tiếp, các doanh nghiệp Việt nên "thay đổi tư duy theo hướng dây chuyền cung ứng toàn cầu". Thay vì dồn nhiều nguồn lực đầu tư trực tiếp, các doanh nghiệp có thể tìm đối tác Mexico để thực hiện liên doanh, tận dụng thế mạnh của nhau nhằm sản xuất hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các thị trường khó tính và có yêu cầu cao.

Trong khi đó, bà Võ Thị Phương Lan, Phó chủ tịch Hiệp hội Logistics TP. Hồ Chí Minh (HLA) cho rằng, Mexico kết nối giữa Đại Tây Dương và châu Á-Thái Bình Dương, có bờ biển dài nên rất thuận lợi cho giao thương và vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.

Với lợi thế đều là thành viên CPTPP, Mexico đã cam kết xóa bỏ 77% số dòng thuế ngay, tương đương 36,5% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 98% số dòng thuế vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Nhờ đó, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam như thủy sản, cà phê, cao su... vào Mexico thời gian gần đây đạt mức tăng trưởng khá cao từ 27-65%. Ngược lại, Mexico cũng từng bước đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm thịt bò, thịt lợn, nông sản, đồ uống vào Việt Nam.

Để đạt được hiệu quả kinh tế trong giao thương hàng hoá, các doanh nghiệp cần tối ưu hóa chi phí logistics bằng cách sử dụng chuỗi dịch vụ logistics tích hợp: khai báo hải quan, vận chuyển nội địa, vận chuyển quốc tế, kho bãi... Đồng thời, tối ưu vận tải, sử dụng container nhập hàng để đóng hàng xuất khẩu giúp doanh nghiệp giảm 50% chi phí vận chuyển nội địa; sử dụng container nhập hàng để đóng hàng xuất khẩu giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian nâng cao năng lực sản xuất.

Đối với mặt hàng thủy sản và nông sản chế biến, Mexico cam kết xóa bỏ thuế cho cá tra và basa từ năm thứ 3 của CPTPP, do vậy mặt hàng này đã được miễn thuế nhập khẩu vào Mexico. Tôm chế biến giảm theo quy trình và về 0% từ năm thứ 12, tôm đông lạnh về 0% từ năm thứ 13 và cá ngừ là năm thứ 16.

Theo nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng ven biển, trong 8 năm trở lại đây mức độ tiêu thụ thủy sản bình quân trên đầu người là 12 đến 13kg/năm, thói quen này còn thấp nếu chúng ta so sánh với các nguồn thực phẩm giàu đạm khác như thịt lợn, thịt bò, thịt gà.

Mặc dù Mexico rất nhiều biển, sông ngòi nhưng lại ít chợ hải sản, chủ yếu người dân tiêu thụ các sản phẩm đã qua sơ chế hoặc chế biến tại các siêu thị hoặc cửa hàng tiện dụng, do vậy mặt hàng này là một mặt hàng tiềm năng cho các sản phẩm thủy hải sản của Việt Nam.

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Mexico đạt gần 118 triệu USD, tăng 44,5%. Các mặt hàng nông sản chế biến cũng là mặt hàng tiềm năng vào thị trường Mexico tuy nhiên, các doanh nghiệp cần phải nghiên cứu tạo ra những sản phẩm phù hợp với khẩu vị của người địa phương.

Đối với cà phê, Mexico là đất nước tiêu thụ cà phê lớn trên thế giới, trung bình một năm một người dân Mexico tiêu thụ 1,7 kg/người; 84% nhà dân tiêu thụ sản phẩm cà phê hòa tan.

Ngoài ra, mặt hàng cà phê nguyên liệu cũng có nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam.

Có thể nói, có rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam mở rộng thị phần tại Mexico, tuy nhiên để biến cơ hội, tiềm năng thành hiện thực, điều này đòi hỏi sự nỗ lực của chính các doanh nghiệp Việt Nam trong công tác tiếp cận thị trường, cũng như đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm tại thị trường này.

* Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại ứng dụng công nghệ chuỗi khối được đánh giá cao

Tại Hội thảo Tổng kết Dự án SRECA ra mắt Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại áp dụng công nghệ chuỗi khối (Blockchain) diễn ra ngày 21/3, ông Vũ Bá Phú- Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Công Thương cho hay, truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm trong hoạt động kinh doanh quốc tế ngày càng quan trọng. Tại nhiều thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc truy xuất nguồn gốc trở thành quy định bắt thành văn với hàng hoá nhập khẩu và trở thành thói quen của người tiêu dùng.

Việc phát triển Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại ứng dụng công nghệ chuỗi khối được coi là giải pháp chống hàng giả hàng nhái, đảm bảo uy tín và nâng cao sức cạnh tranh cho hàng hoá và doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.

Cũng theo ông Phú, hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại ứng dụng công nghệ chuỗi khối là phiên bản 2 được Cục Xúc tiến thương mại và Tổ chức Phát triển Đức (GIZ) cùng nghiên cứu, phát triển khắc phục được điểm hạn chế về tính bảo mật và trung thực về dữ liệu của phiên bản trước đó. Với hệ thống này, hy vọng sẽ hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu nông sản Việt Nam đạt lòng tin của người tiêu dùng.

Truy xuất nguồn gốc ở Việt Nam tuy chưa phải là quy định bắt buộc nhưng được Chính phủ khuyến khích, do đó phát triển khá nhanh. Tuy nhiên, hệ thống truy xuất của Cục Xúc tiến thương mại có sự khác biệt bởi được gắn với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp, vì vậy bám sát yêu cầu về thủ tục quy trình xuất khẩu.

Mặt khác, khi vận hành hệ thống Cục Xúc tiến thương mại yêu cầu các bên tham gia tuân thủ các quy định, quy trình sử dụng nhằm đảm bảo tính minh bạch, xác thực và tạo được uy tín với khách hàng nước ngoài.

Về phía Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ), bà Hoàng Thị Thu Hương- Cán bộ Dự án SRECA cho rằng dự án Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực châu Á (SRECA) có các quốc gia tham gia gồm Việt Nam, Campuchia, Lào, Mông Cổ, Trung Quốc.

Với Việt Nam, nông sản là ngành có đàm phán và nghị định thư với Trung Quốc từ năm 2015-2016. Sau đó từ nghị định thư, các loại nông sản trái cây của Việt Nam được xuất khẩu sang Trung Quốc qua đường chính ngạch. Vì thế SRECA có các hoạt động cùng phía Việt Nam xây dựng nền tảng hướng dẫn, thực hiện các bước và thủ tục xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc theo đường chính ngạch từ năm 2017. Từ 4 loại trái cây đầu tiên, đến nay 10 loại trái cây của Việt Nam đã được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc.

Bà Hoàng Thị Thu Hương cũng nhận định: Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại phiên bản 2 mới chỉ giải quyết một phần nhu cầu của khách hàng là khối doanh nghiệp. Để tạo ứng dụng có tính tin cậy cao hơn thì đây phải là hệ thống khép kín, chứ không chỉ dừng ở khâu tổ chức sản xuất như hiện nay.

Nhưng với phiên bản hiện nay, hy vọng hệ thống sẽ được khách hàng cùng chia sẻ, lan tỏa và sử dụng nhiều hơn nữa. Mong rằng tuổi thọ của phần mềm này sẽ kéo dài trong nhiều năm mang lại hiệu quả tốt nhất cho người dùng khối doanh nghiệp và là dịch vụ Cục Xúc tiến thương mại tiếp tục cung cấp cho khách hàng.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIAO THƯƠNG

* Cần mua bột bắp với số lượng lớn

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản tại địa bàn phía Nam cần mua bột bắp với số lượng lớn để xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

+ Yêu cầu:

Yêu cầu chứng nhận Non-GMO đối với mặt hàng này.

Số lượng: mỗi tháng 1 cont 20FT/ 40ft

+ Thông tin liên hệ:

International Dan & Jin Co., Ltd

Địa chỉ: 255 Nam Hòa, Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Ngọc

ĐT: 0963682940

Email: jadenguyen.internal@gmail.com

* Nhận cung cấp dừa sáp Trà Vinh

Cơ sở kinh doanh hàng nông sản tại địa bàn phía Bắc nhận cung cấp dừa sáp Trà Vinh chính hiệu với số lượng lớn và ổn định.

+ Thông tin sản phẩm:

Phân loại: Dừa sáp

Đơn vị tính: Quả/Trái

Xuất xứ: Trà Vinh

Đặc điểm: Đặc điểm độc đáo của dừa. Cơm dừa trộn lẫn nước dừa sền sệt tạo thành hợp chất trông như sáp của cây đèn cầy nên dân gian gọi là dừa Sáp. tươi ngon, đặc và dẻo của cơm dừa.

+ Thông tin liên hệ:

Nông sản Dũng Hà

Địa chỉ: 11 Kim Đồng - Đường Giáp Bát - Quận Hoàng Mai - Hà Nội

Hoặc đường Trung Mỹ Tây 13 - Quận 12 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT/hotline: 1900986865

Website: <https://nongsandungha.com>

* Nhận cung cấp các loại rau, củ quả sấy khô

Công ty gia vị Việt Hiệp chuyên trồng và hợp tác các trang trại hữu cơ để trồng và cung cấp đa dạng các loại rau củ quả gia vị sấy khô. Hiện doanh nghiệp nhận cung cấp các sản phẩm như sau:

- Gừng nghệ riêng thái lát, nguyên củ sấy khô,...

- Hành củ, hành lá, hẹ lá thái lát sấy khô,...

- Tỏi thái lát sấy khô,..

- Sả củ, lá sả thái lát sấy khô,...

- Chanh giấy, chanh thái lát, lá chanh thái lát, thái sợi sấy khô,...

- Ớt chi thiên, ớt sừng trâu sấy khô,...

- Các loại rau gia vị: rau cần, thì là, tía tô, hương thảo, quế, bạc hà, ... sấy khô

- Các loại củ, quả thái lát, thái hạt lựu, thái sợi, xay bột theo yêu cầu khách hàng đặt...

+ Thông tin liên hệ:

Công ty gia vị Việt Hiệp

Địa chỉ: Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline - zalo: 0908.738.746

Email: Giavivietvn@gmail.com

* Cần mua sầu riêng

Doanh nghiệp tại Bình Dương chuyên về sản xuất và xuất khẩu nông sản ở Việt Nam. Hiện nay công ty đang cần mua các loại sầu riêng số lượng lớn để cung cấp cho các cửa hàng, đại lý trong nước và ngoài nước.

Do đó doanh nghiệp cần đối tác hợp tác lâu dài và ổn định. Ưu tiên doanh nghiệp hoặc cá nhân có nguồn cung cấp sầu riêng lớn.

+ *Thông tin liên hệ:*

Các cá nhân, tổ chức quan tâm liên hệ theo số điện thoại 090304 7955 - 0903 944 669 hoặc địa chỉ: Số 29/15, Đường số 2, Khu phố Đông, phường Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

* Nhận cung cấp bột cá biển nguyên chất

Cơ sở kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tại địa bàn miền Nam nhận cung cấp bột cá biển nguyên chất với số lượng lớn.

+ *Thông tin sản phẩm:*

- Bột cá biển khô xay: sản phẩm được chế biến 100% từ cá biển nguyên chất như: cá cơm, cá trích, cá nục...đảm bảo cung cấp 20, 35, 45, 50, 55, 60% đạm, không melamin, không vi sinh gây hại.

- Sản phẩm được làm từ nguyên liệu là các loại cá tạp sau khi đã qua quá trình phơi và sấy khô, sau đó được nghiền mịn.

- Bột cá biển khô xay của công ty được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt nhất hiện nay.

- Bột cá được bán với giá thấp nhất thị trường, đảm bảo cho khách hàng lợi nhuận cao khi sử dụng. Ngoài ra công ty còn cung cấp các loại bột cá biển với các độ đạm khác nhau, bột xương thịt, bã hèm bia, bã điều, bã nành, bắp hạt...

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Hàng

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 0937 392133

Email: nhathapminhhang@gmail.com

* Cung cấp đạm thủy phân cao cấp cho chăn nuôi

Doanh nghiệp kinh doanh hàng vật tư nông nghiệp tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp sản phẩm đạm thủy phân cao cấp cho chăn nuôi với số lượng lớn và giá cả ưu đãi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

- Đạm thủy phân cao cấp có công dụng cải thiện tích cực FCR: hoạt tính sinh học do những phân tử siêu nhỏ được hấp thu gần như hoàn toàn trong ruột tôm nên EU có hiệu suất tiêu hoá cao gấp nhiều lần các nguyên liệu cao đạm khác do rút ngắn thời gian phân cắt đạm trong đường ruột.

- Kích thích tôm bắt mồi gấp 5 lần: Khi dùng để áo trộn vào thức ăn, ngoài mùi vị thơm ngon giúp dẫn dụ tốt, Peptide hoạt tính sinh học kích thích lên thần kinh não bộ điều chỉnh lượng ăn vào tăng lên một cách bền vững và an toàn.

- Tăng cường sức khoẻ, giảm stress: Peptide hoạt tính sinh học đặc biệt giúp điều hoà miễn dịch, cải thiện sức khỏe gan tụy và giúp tôm cá chống chịu tốt với stress, dịch bệnh, nhờ đó tăng tỷ lệ sống, giúp tôm đều bầy, chắc thịt hơn.

- Ngoài ra, doanh nghiệp cũng nhận cung cấp men vi sinh xử lý nước và đáy ao dòng bacillus; viên nén nguyên liệu; vi sinh viên nén Mỹ; men vi sinh đơn dòng và vi sinh tổng hợp; men vi sinh nguyên liệu xử lý nước chất lượng Mỹ 100%...

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Ms. Quyên:

ĐT: 0915591629 – 0902772496

Địa chỉ: P.Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: bqq.com.vn

Email: quyentran@bqq.com.vn

* Nhận cung cấp cua giống

Trung tâm giống thủy sản Bình Định nhận cung cấp cua giống, hàu giống...con giống có chất lượng tốt, khả năng kháng bệnh cao, mau lớn.

Các cá nhân, tổ chức quan tâm, liên hệ theo thông tin sau:

Trung tâm giống thủy sản Bình Định

Người liên hệ: Nguyễn Thanh Nga

Điện thoại: 0944 976018

Email: ntnga1404@gmail.com

Địa chỉ: Số 04 Thị Sách, Quy Nhơn, Bình Định

* Cần thu mua nông sản với số lượng lớn

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh là một công ty chuyên thu mua và xuất khẩu nông sản và trái cây các loại với số lượng lớn. Hiện tại, công ty cần thu mua số lượng lớn các loại nông sản: măng câu xiêm tươi, chanh tươi không hạt, thanh long tươi ruột đỏ và trắng.

Doanh nghiệp hay cá nhân nào có nguồn hàng trên cần cung cấp xin vui lòng liên hệ:

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh

Địa chỉ: Số 177 Trường Chinh, phường 12, Q.Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 0918 000 310; 0988 357 470 (Phòng thu mua)

* Nhận cung cấp nguyên liệu thức ăn chăn nuôi số lượng lớn

Doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận cung cấp nguyên liệu thức ăn chăn nuôi số lượng lớn với giá cả ưu đãi.

+ Thông tin sản phẩm:

Các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như bã nành, khô cải đắng, khô lạc...

Hàng nguyên container về Việt Nam, hàng nhập khẩu.

+ Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Đinh Thị Phượng Hằng

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0348123720

Email: importtradingvn@gmail.com

* Cung cấp đầu cá cơm số lượng lớn

Cơ sở thương mại nông sản tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp đầu cá cơm số lượng lớn

+ Thông tin sản phẩm:

Đầu cá cơm

Đạm :45%

Muối :10%

Âm 25%

Giá : 7.000 đ/kg

Tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh

+ Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Hà

ĐT: 0989.176.263

Địa chỉ: Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Email: tantanmaifishmeal@gmail.com

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CẢNH GIÁC

* Sầu riêng Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt để giành thị phần tại thị trường Trung Quốc

Tại Diễn đàn "Thúc đẩy thương mại nông sản, thủy sản và sản phẩm thủy sản giữa Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Tây) diễn ra mới đây, đại diện Công ty Thương mại Quốc tế Sunwah (Quảng Châu) cho biết tại thị trường này, sầu riêng Việt Nam sẽ chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ hai láng giềng Đông Nam Á, do xuất khẩu chính ngạch muộn hơn so với các đối thủ.

Cũng theo chia sẻ từ đại diện Công ty thương mại Sunwa, việc chưa có thương hiệu dẫn đến sầu riêng Việt Nam bị cạnh tranh, thua thiệt trên thị trường.

Trong khi đó, Thái Lan, Malaysia là hai quốc gia này có nền tảng sản xuất, đóng gói, quy trình xuất khẩu sầu riêng quy mô lớn hơn Việt Nam. Ở thị trường Trung Quốc hiện nay, thương hiệu sầu riêng của Malaysia và Thái Lan cũng mạnh hơn. Đây là yếu tố cản trở sầu riêng Việt Nam.

Để nâng cao hạn mức xuất khẩu sầu riêng cũng như nhiều loại nông sản khác vào Trung Quốc, đại diện của Sunwah đề xuất Bộ NN-PTNT cho phép doanh nghiệp này phối hợp với các doanh nghiệp của Việt Nam trong khâu đóng gói theo đúng tiêu chuẩn; chuẩn hóa từ nguồn hàng, bảo quản lạnh cho đến vận chuyển nông sản xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc.

Trung Quốc – nước nhập khẩu sầu riêng lớn nhất – có thể tận dụng Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) để nhập khẩu nhiều trái cây từ Đông Nam Á với chi phí thấp hơn. Thông kê trước đây của hải quan Trung Quốc cho thấy nhập khẩu sầu riêng tươi so với cùng kỳ năm trước tăng 42,7% lên 821.600 tấn trong khi giá trị nhập khẩu tăng 82,4% lên 4,205 tỷ USD.

Con số này đánh dấu mức tăng gấp 4 lần so với năm 2017, với các con số dự kiến sẽ tiếp tục tăng, đặc biệt là khi thực hiện RCEP. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh sầu riêng Malaysia, đây có thể là cơ hội vàng để thu được lợi nhuận cao hơn bằng cách đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở Trung Quốc.

Wong Kah Meng, giám đốc kinh doanh quốc tế cấp cao của Hernan Corporation Sdn Bhd tỏ ra tự tin Malaysia có lợi thế về mặt thương hiệu vì sầu riêng Musang King, rất phổ biến ở Trung Quốc, chỉ có thể được sản xuất ở nội địa Malaysia.

Về phía Việt Nam, theo các doanh nghiệp xuất khẩu, sầu riêng Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc luôn có giá thấp hơn khoảng 20% so với hàng của Thái Lan. Thái Lan mới đây đã nâng tiêu chuẩn sầu riêng xuất khẩu vào Trung Quốc phải có chất khô tối thiểu đạt 35%, cao hơn so với trước đây là 32%. Theo đó, quả sầu riêng có ít nước hơn, múi chắc và ngon hơn. Độ ngọt này của Thái Lan được cho là yếu tố để cạnh tranh trực tiếp với sầu riêng Việt Nam thị trường Trung Quốc.

Một trong những khó khăn tiềm năng nữa cho không chỉ sầu riêng Việt Nam mà cả các quốc gia Đông Nam Á khác là việc Trung Quốc đang đặt mục tiêu xây dựng một khu công nghiệp sầu riêng trong vòng 3 đến 5 năm tới, dự kiến sẽ tạo ra giá trị sản lượng 5 tỷ nhân dân tệ (727 triệu USD) vào năm 2028.

Một số nguồn tin cho hay Trung Quốc đang chuẩn bị cho vụ thu hoạch vụ sầu riêng nội địa đầu tiên vào mùa hè này sau hơn 4 năm canh tác. Dự kiến, khoảng 2,45 triệu kg sầu riêng được sản xuất trên đảo Hải Nam ở miền Nam Trung Quốc sẽ được bán vào tháng 6.

Tại Cơ sở sầu riêng ở Tam Á, 93,3 ha cây sầu riêng đang cho quả non, với năng suất ước tính là 116,64 kg/ha và giá trị sản lượng ước tính là 6.665 nhân dân tệ/ha.

Với sự hỗ trợ từ các chuyên gia nông nghiệp Đông Nam Á, các chuyên gia Trung Quốc đã cải tiến hạt giống nhập khẩu để phù hợp hơn với điều kiện địa phương.

Người tiêu dùng Trung Quốc đặc biệt ưa thích loại trái cây có gai với mùi hương nồng độc đáo từ Thái Lan, Malaysia và Việt Nam. Nhưng giá thường cao do chi phí vận chuyển.

Các nhà phân tích cho rằng sầu riêng do Trung Quốc trồng có thể làm giảm giá trong nước, tăng cường “lưu thông kép” và thúc đẩy hợp tác nông nghiệp quốc tế.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

* Đảm bảo an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới

Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương đã ban hành kế hoạch số 332/KH-BCĐTƯATTP về triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2023 với chủ đề “Đảm bảo an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới” nhằm đổi mới với vấn nạn thực phẩm bẩn, không đảm bảo an toàn trong chế biến và sản xuất.

Dự kiến thời gian triển khai Kế hoạch từ ngày 15/4 - 15/5/2023 trên phạm vi toàn quốc. Kế hoạch nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, xác định nhiệm và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm.

Kế hoạch được ban hành nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, xác định trách nhiệm và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; Đề cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm; kịp thời thông tin các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng cao, các cơ sở vi phạm, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, an toàn thực phẩm.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an ninh, an toàn thực phẩm; Nêu cao vai trò của chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý, tổ chức xã hội và sự giám sát của người tiêu dùng đối với việc tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Nâng cao năng lực phòng ngừa, chủ động xử lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; giảm thiểu ngộ độc do tiêu dùng thực phẩm không an toàn.

Ngoài các hoạt động thường xuyên về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, Tháng hành động năm 2023 là điểm nhấn trong năm, tạo nên đợt cao điểm, phát động chiến dịch truyền thông tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Chủ động phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm, hạn chế tối đa ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là các vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người mắc do sử dụng sản phẩm thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Đồng thời, “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” gắn trách nhiệm của UBND các cấp để tập trung sự chỉ đạo và bố trí nguồn lực cho công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; Nâng cao hiệu quả sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, giữa các cơ quan chức năng và các đoàn thể chính trị xã hội trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm...

* Lưu ý các triệu chứng khi bị ngộ độc botulinum từ thực phẩm

Độc tố botulinum trong thức ăn sau vào đường tiêu hóa sẽ không bị phá hủy bởi acid dịch vị và men tiêu hóa mà được hấp thu ở tá tràng và h้อง tràng vào máu, sau đó xâm nhập các tế bào thần kinh, ngăn chặn sự giải phóng chất dẫn truyền thần kinh acetylcholine tại các đầu mút thần kinh tiền sinap. Các xung động thần kinh bị ngưng trệ gây triệu chứng liệt vận động. Các triệu chứng sau thường khởi phát sau 12-36 giờ sau ăn (có thể tới 1 tuần sau ăn):

Tiêu hóa: Nếu nhiễm độc tố botulinum do ngộ độc thực phẩm người bệnh sẽ xuất hiện sớm các triệu chứng buồn nôn, nôn, chướng bụng, đau bụng, sau đó liệt ruột cơ năng, táo bón.

Thần kinh: Người bệnh bị liệt đối xứng hai bên, xuất phát từ vùng đầu mặt, cổ lan xuống chân với các triệu chứng là sụp mi, nhìn đôi, nhìn mờ, đau họng, khó nuốt, khó nói, khàn tiếng, khô miệng. Sau đó liệt tay, liệt các cơ vùng ngực, bụng và liệt hai chân.

Phản xạ gân xương thường giảm hoặc mất, không có rối loạn cảm giác.

Nếu nhiễm độc mức độ nhẹ, người bệnh có thể chỉ mệt mỏi, mỏi cơ tương tự như suy nhược cơ thể, không làm được các động tác gắng sức bình thường,... Nhưng nếu nhiễm độc mức độ nặng, bệnh tiến triển nhanh, người bệnh có thể liệt tất cả cơ dẫn đến ú đọng đờm dài, suy hô hấp, gây ngừng thở dẫn đến tử vong.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/3/2023	Giá cả TT Ngày 03/4/2023	T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/3/2023	Giá cả TT Ngày 03/4/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	15.000	14.000
1	Cá điêu hồng	55.000	50.000	10	Khoai cao	35.000	40.000
2	Cá lóc nuôi	55.000	55.000	11	Nấm rơm	75.000	75.000
3	Cá kèo nuôi	180.000	180.000	12	Bắp cải trắng	14.000	10.000
4	Cá rô phi	45.000	40.000	13	Đậu que	18.000	20.000
5	Cá trê nuôi	35.000	30.000	14	Đậu đũa	16.000	16.000
6	Cá tra (cá hú)	65.000	60.000	15	Cà tím	16.000	16.000
7	Cá tra thịt trắng	45.000	45.000	16	Bí đao	14.000	14.000
8	Lươn loại 1	185.000	180.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	14.000	10.000
9	Éch nuôi	65.000	60.000	18	Ớt	35.000	35.000
10	Tôm càng xanh	245.000	240.000	19	Gừng	12.000	12.000
11	Mực ống loại lớn	190.000	190.000	20	Đậu bắp	16.000	15.000
12	Thịt heo đùi	110.000	110.000	21	Khô qua	18.000	20.000
13	Thịt heo nạc	115.000	110.000	22	Bầu	10.000	10.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	120.000	23	Cà chua	22.000	22.000
15	Thịt bò đùi	240.000	230.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	250.000	245.000	1	Quýt đường	55.000	55.000
17	Vịt làm săn (nguyên con)	85.000 - 90.000	85.000 - 90.000	2	Bưởi nǎm roi	50.000	50.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	130.000	125.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	55.000	55.000
19	Trứng gà ta	3.600	3.400	4	Xoài cát chu	30.000	30.000
20	Trứng gà công nghiệp	2.600	2.600	5	Táo Mỹ	90.000	90.000
21	Trứng vịt	2.700	2.500	6	Táo xanh	110.000	110.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	15.000	15.000
1	Cải xanh	14.000	10.000	8	Sapo	40.000	40.000
2	Cải ngọt	12.000	8.000	9	Cam mật	10.000	17.000
3	Cải thia	10.000	7.000	10	Cam sành	12.000	12.000
4	Rau muống	16.000	16.000	11	Thanh Long	35.000	35.000
5	Rau mồng tơi	14.000	12.000	12	Chôm chôm nhẵn	35.000	35.000
6	Cải xà lách	12.000	8.000	13	Măng câu xiêm	40.000	40.000
7	Hành lá	28.000	35.000	14	Măng câu ta	65.000	65.000
8	Củ kiệu	32.000	32.000	15	Ới	15.000	15.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẨM THỊ TRƯỜNG

Giá cẩm khu vực đồng bằng sông Cửu Long

T T	Tên sản phẩm	Giá cẩm TT Ngày 27/3/2023	Giá cẩm TT Ngày 03/4/2023	T T	Tên sản phẩm	Giá cẩm TT Ngày 27/3/2023	Giá cẩm TT Ngày 03/4/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cần tàu	30.000	30.000
1	Cải ngọt	25.000	10.000	32	Kiệu	30.000	30.000
2	Cải xanh	26.000	8.000	33	Bầu	20.000	15.000
3	Củ cải trắng	20.000	7.000	34	Mướp	20.000	16.000
4	Rau muống	20.000	16.000	II	Trái cây		
5	Cải xoong	50.000	50.000	1	Cam sành	10.000	10.000
6	Rau dền	20.000	14.000	2	Cam mật	10.000	13.000
7	Mồng tơi	17.000	12.000	3	Quýt đường	60.000	60.000
8	Bông bí	30.000	22.000	4	Bưởi nǎm roi	55.000	55.000
9	Xà lách	14.000	8.000	5	Bưởi da xanh	55.000	55.000
10	Su su	25.000	25.000	6	Xoài cát Chu	30.000	30.000
11	Bắp non	40.000	40.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	75.000	75.000
12	Cà rốt	24.000	24.000	8	Xoài Đài Loan	20.000	20.000
13	Khoai tây	25.000	25.000	9	Chôm chôm nhãn	35.000	40.000
14	Củ dền	23.000	23.000	10	Chôm chôm Java	20.000	20.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Măng cầu xiêm	40.000	42.000
16	Dưa leo	20.000	20.000	12	Măng cầu ta	65.000	65.000
17	Cà tím	20.000	20.000	13	Dưa hấu	15.000	15.000
18	Bí đao	20.000	20.000	14	Thanh Long	35.000	35.000
19	Bí rợ	25.000	25.000	15	Sapo	40.000	40.000
20	Đậu bắp	20.000	20.000	16	Ói	15.000	15.000
21	Khô qua	25.000	25.000	17	Táo xanh	110.000	110.000
22	Cà chua	25.000	25.000	18	Táo Mỹ	90.000	90.000
23	Hành lá	35.000	35.000	19	Táo Trung Quốc	60.000	60.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ (đen)	180.000	180.000
25	Khoai cao	30.000	30.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	17.000	17.000	1	Gạo thơm Jasmine	17.000	16.000
27	Đậu que	20.000	20.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.000
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	18.500	18.500
30	Ớt	65.000	65.000	5	Gạo trắng thường	14.500	15.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

**TÔM THẺ ĐÔNG LẠNH ASC CHÂN,
XIÊN QUE TÂM GIA VỊ GARLIC CHILLI
(OCOP TIỀM NĂNG 5 SAO)**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TÁM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VŨ HỒNG DƯƠNG - Phó Trưởng ban

PHẠM PHƯỚC TRÃI - Phó Trưởng ban

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/02/2023. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2023.